


ỦY BAN CHỨNG KHOẢN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0302047389 (Số cũ: 4103000113) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10/07/2000, thay đổi lần 18 ngày 17/01/2017)



**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 35...../GCN-UBCK do

Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11.....tháng 07...năm 2017)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 11/07/2017 tại:

1. **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

Địa chỉ : Số 1004A Đường Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TPHCM.

Điện thoại : (08) 3974 1135 – (08) 3974 1136 – Fax: (08) 3974 1280

Website : <http://agri.hunghau.vn/>

2. **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN FPT - CN TP HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.

Điện thoại : (84-8) 6290 8686 – Fax: (84-8) 6291 0607

Website : <http://www.fpts.com.vn>

**Người Công bố thông tin**

Tên : Từ Thanh Phụng

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Điện thoại : (08) 3974 1135



Fax : (08) 3974 1280

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

(Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0302047389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10/07/2000, thay đổi lần 18 ngày 17/01/2017)

### CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC

---

|   |   |
|---|---|
| <b>Tên cổ phiếu</b>   | <b>: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu</b> |
| <b>Mệnh giá</b>   | <b>: 10.000 đồng</b>                          |
| <b>Giá bán</b>  | <b>: 13.000 đồng/cổ phiếu</b>                 |
| <b>Tổng số lượng cổ phiếu phát hành</b>   | <b>: 11.081.622 cổ phiếu</b>                  |
| <b>Trong đó</b>   |   |
|  <b>Phát hành cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 01:01)</b>                 | <b>: 10.454.361 cổ phần</b>                   |
|  <b>Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 50:03)</b> | <b>: 627.261 cổ phần</b>                      |
| <b>Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá</b>   | <b>: 110.816.220.000 đồng</b>                 |

---

## TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



### Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Nam Việt

Địa chỉ : Số 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84- 8) 3.9103908 Fax: (84-8) 3.9104880

Email : [vanphong@aascn.com.vn](mailto:vanphong@aascn.com.vn)

Website : [www.aascn.com.vn](http://www.aascn.com.vn)

## TỔ CHỨC TƯ VẤN



### Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – CN.Tp.Hồ Chí Minh

Trụ sở chính : Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 37737070 – 6271 7171

Fax : (84.4) 3773 9058

Email : [fptsecurities@fpts.com.vn](mailto:fptsecurities@fpts.com.vn)

Website : <http://www.fpts.com.vn>

#### Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 6290 8686 Fax: (84.8) 6291 0607

## MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>   | <b>6</b>  |
| 1. Rủi ro về kinh tế.....  | 6         |
| 2. Rủi ro về luật pháp.....  | 6         |
| 3. Rủi ro đặc thù.....   | 7         |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....   | 7         |
| 5. Rủi ro pha loãng.....   | 8         |
| 6. Rủi ro quản trị công ty.....  | 10        |
| 7. Rủi ro khác .....   | 10        |
| <b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>   | <b>11</b> |
| 1. Tổ chức phát hành .....   | 11        |
| 2. Tổ chức tư vấn.....   | 11        |
| <b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>   | <b>12</b> |
| <b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>  | <b>13</b> |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....   | 13        |
| 2. Cơ cấu tổ chức công ty.....   | 15        |
| 3. Bộ máy quản lý của Công ty .....  | 16        |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại..... | 22        |
| 5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của tổ chức phát hành .....   | 23        |
| 6. Báo cáo quá trình tăng vốn.....   | 24        |
| 7. Hoạt động kinh doanh.....   | 27        |
| 8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....  | 35        |
| 9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....  | 37        |
| 10. Chính sách đối với người lao động.....   | 41        |
| 11. Chính sách cổ tức.....   | 42        |
| 12. Tình hình tài chính.....   | 43        |
| 13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....  | 52        |

|              |  |            |
|--------------|--|------------|
| 14.          | Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty) .....  | 86         |
| 15.          | Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....  | 87         |
| 16.          | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....   | 90         |
| 17.          | Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức:.....   | 90         |
| 18.          | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành .....  | 90         |
| 19.          | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán ..... | 90         |
| <b>V.</b>    | <b>CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....</b>  | <b>91</b>  |
| 1.           | Loại cổ phiếu.....   | 91         |
| 2.           | Mệnh giá .....   | 91         |
| 3.           | Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành .....   | 91         |
| 4.           | Giá chào bán dự kiến.....  | 91         |
| 5.           | Phương pháp tính giá.....  | 91         |
| 6.           | Phương thức phân phối.....   | 93         |
| 7.           | Thời gian phân phối cổ phiếu.....  | 93         |
| 8.           | Đăng ký mua cổ phiếu .....   | 95         |
| 9.           | Phương thức thực hiện quyền.....   | 96         |
| 10.          | Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) .....                                    | 97         |
| 11.          | Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....  | 97         |
| 12.          | Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: .....  | 98         |
| 13.          | Các loại thuế có liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán: .....  | 98         |
| 14.          | Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu:.....  | 98         |
| <b>VI.</b>   | <b>MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....</b>  | <b>99</b>  |
| <b>VII.</b>  | <b>KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>  | <b>99</b>  |
| 1.           | Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán .....  | 99         |
| 2.           | Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ nguồn vốn.....  | 99         |
| <b>VIII.</b> | <b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>   | <b>99</b>  |
| <b>IX.</b>   | <b>PHỤ LỤC.....</b>  | <b>101</b> |

## Danh mục bảng biểu

|  |    |
|--|----|
| Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần SJ1 trở lên..... | 22 |
| Bảng 2: Cơ cấu cổ đông.....  | 23 |
| Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm.....                      | 28 |
| Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận qua các năm.....                            | 29 |
| Bảng 5: Chi phí hoạt động Công ty qua các năm.....                   | 29 |
| Bảng 6: Thông tin về các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ.....    | 33 |
| Bảng 7: Thông tin về các hợp đồng mua hàng, mua nguyên vật liệu..... | 34 |
| Bảng 8: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh.....                 | 35 |
| Bảng 9: Cơ cấu lao động của SJ1.....                                 | 41 |
| Bảng 10: Chính sách cổ tức.....                                      | 43 |
| Bảng 11: Vốn điều lệ qua các năm.....                                | 43 |
| Bảng 12: Vốn kinh doanh qua các năm.....                             | 43 |
| Bảng 13: Thời gian khấu hao Tài sản cố định.....                     | 44 |
| Bảng 14: Mức lương bình quân.....                                    | 45 |
| Bảng 15: Các khoản thuế phải nộp.....                                | 45 |
| Bảng 16: Số dư các quỹ.....  | 46 |
| Bảng 17: Tổng dư nợ vay.....   | 46 |
| Bảng 18: Chi tiết nợ vay ngắn hạn.....                               | 46 |
| Bảng 19: Chi tiết nợ vay dài hạn.....                                | 47 |
| Bảng 20: Công nợ phải thu.....                                       | 48 |
| Bảng 21: Công nợ phải trả.....                                       | 48 |
| Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....                         | 51 |
| Bảng 23: Giá trị tài sản cố định đến ngày 30/09/2016.....            | 86 |
| Bảng 24: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....                           | 87 |
| Bảng 25: Lịch trình phân phối cổ phiếu.....                          | 94 |
| Bảng 26: Kế hoạch sử dụng vốn.....                                   | 99 |

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

#### 1. Rủi ro về kinh tế

Kinh tế - xã hội năm 2016 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới đang mất đà tăng trưởng. Tăng trưởng toàn cầu năm 2016 chỉ ở mức 2,4%. Tốc độ tăng trưởng chậm của nền kinh tế thế giới đã ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế Việt Nam. Cụ thể, GDP của Việt Nam năm 2016 tăng 6,21% so với năm 2015 và không đạt chỉ tiêu đề ra (6,7%); trong đó, quý I tăng 5,48%; quý II tăng 5,78%; quý III tăng 6,56% và quý IV tăng 6,68%.

Theo số liệu thống kê cho thấy, ngành nông nghiệp năm 2016 chỉ góp 1,36% vào mức tăng chung của GDP cả năm. Nguyên nhân khiến ngành nông nghiệp đạt mức tăng thấp là do tình hình thiên tai, bão lũ, hạn hán... diễn biến phức tạp. Tính riêng bão lũ ở miền Trung vừa qua đã khiến ngành nông nghiệp thiệt hại, làm giảm 0,3% GDP. Điều này ảnh hưởng lớn đến những doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu những sản phẩm từ nông sản do khó khăn trong khâu tìm kiếm và thay thế nguồn nguyên liệu đầu vào.

Tình hình xuất nhập khẩu trong năm 2016 tương đối khó khăn do các thị trường xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam như EU, Mỹ hay Trung Quốc có nhiều biến động từ kinh tế đến chính trị. Ngoài ra, do ảnh hưởng của biến động tỷ giá cũng gây ảnh hưởng không nhỏ cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

Là một doanh nghiệp hoạt động lâu năm, đa dạng lĩnh vực từ phân phối, giáo dục, nông nghiệp; hoạt động SXKD của Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (SJ1) có mối gắn kết chặt chẽ với những biến động của nền kinh tế. Với những khó khăn trong năm qua và những biến động khó lường của nền kinh tế thế giới trong những năm tới, tình hình hoạt động trong năm 2017 của SJ1 được dự báo sẽ còn gặp nhiều khó khăn.

#### 2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, ngoài chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp và các chính sách thuế, SJ1 còn chịu tác động bởi hệ thống pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện nay, hệ thống Luật của Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện và đổi mới như Nghị định của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng vừa mới ban hành, v.v..... Tất cả những thay đổi liên quan đến luật pháp, chính sách nếu có, ít nhiều đều tác động đến các doanh nghiệp ở Việt Nam cũng như SJ1.

Nhận thức được vấn đề này, Công ty luôn ý thức chủ động cập nhật thường xuyên để phù hợp với các thay đổi của Nhà nước trong chính sách quản lý, hạn chế tối đa tổn thất do

yếu tố pháp lý gây ra nhằm giữ vững uy tín, thương hiệu và thành quả hoạt động của Công ty.

### 3. Rủi ro đặc thù

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phân phối và giáo dục nên doanh nghiệp có những rủi ro đặc thù như sau:

#### Rủi ro về nguyên vật liệu đầu vào:

- Trong lĩnh vực thủy sản: năm 2016, ngành thủy sản liên tục đối mặt với khó khăn trong cả nuôi trồng và khai thác thủy sản do hạn hán, xâm nhập mặn ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long; sự cố môi trường xảy ra ở một số tỉnh, đặc biệt 4 tỉnh ven biển miền Trung. Nguồn cung khan hiếm dẫn tới giá thủy sản đặc biệt là giá tôm có những phiên tăng giá mạnh làm ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của công ty. Theo đó, để đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra đúng tiến độ, công ty thực hiện mua hàng dự trữ để tránh việc thiếu hụt nguồn nguyên liệu và đảm bảo chi phí giá vốn được ổn định.
- Trong lĩnh vực nông nghiệp: Nguồn nguyên liệu cho lĩnh vực nông nghiệp năm 2016 cũng gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt, rét buốt, băng giá tại các tỉnh phía Bắc; hạn hán, xâm nhập mặn gay gắt tại các tỉnh phía Nam. Để chủ động nguồn nguyên vật liệu có chất lượng cho hoạt động sản xuất, Công ty SJ1 đã thực hiện chính sách mua hàng trực tiếp tại nơi sản xuất đồng thời tìm kiếm nguồn nguyên liệu mới ở nhiều tỉnh thành khác nhau.

#### Rủi ro khác:

- Đối với lĩnh vực giáo dục, chất lượng dạy và học luôn là tiêu chí được đặt lên hàng đầu. Hiện nay, có rất nhiều hệ thống giáo dục cao cấp được các công ty lớn mở ra nhằm đào tạo xuyên suốt từ cấp mầm non cho tới trình độ Đại học, do vậy mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng khốc liệt; do vậy để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục Ban lãnh đạo của trường không ngừng cập nhật chương trình học hiệu quả, tăng cường giao lưu với các trường ngoài nước.

### 4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Rủi ro từ đợt chào bán này được xem là rất thấp vì thị trường chứng khoán Việt Nam đã ổn định và được dự báo là sẽ diễn biến tích cực, thanh khoản được cải thiện hơn trong thời gian tới. Bên cạnh đó, triển vọng tăng trưởng của kinh tế toàn cầu khá lạc quan khi một số nền kinh tế lớn như Mỹ, EU hay Trung Quốc đều được dự báo tăng trưởng trong năm 2017. Đối với ngành thủy sản, VASEP (Hiệp hội chế biến và xuất khẩu Thủy sản Việt Nam) dự báo, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2017 sẽ vào khoảng 7,4 tỷ USD, tăng 6% so với năm 2016. Mặc dù các doanh nghiệp trong ngành chế biến và xuất khẩu thủy



sản của Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn như rào cản kỹ thuật, bảo hộ thương mại từ các thị trường nhập khẩu... nhưng với lợi thế nguồn nguyên liệu dồi dào, chi phí nhân công giá rẻ cùng với việc gia tăng giá trị sản phẩm qua chế biến...thì các doanh nghiệp hoạt động trong ngành của Việt Nam vẫn có cơ hội cạnh tranh và phát triển thị phần ở các thị trường nước ngoài. Tuy nhiên, trong trường hợp không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành, Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng, v.v...

## 5. Rủi ro pha loãng

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu có thể xảy ra khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành. Đối với đợt phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty có một số lưu ý đối với nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

Tổng số cổ phiếu phát hành: 11.081.622 cổ phần, trong đó, chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.454.361 CP với giá phát hành là 13.000 đồng/cp và phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu là 627.261 CP.

Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$\frac{(P_{Rt} - 1 \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

Trong đó:

- Ptc : là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định.
- PRt-1: là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền.
- PR : là giá phát hành.

Ví dụ :

Giả sử giá cổ phiếu SJ1 vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 19.100 đồng/cổ phiếu (PRt-1). Tổng số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.454.361 cổ phần và phát hành để trả cổ tức là 627.261 cổ phần. Giá chào bán là 13.000 đồng/cp. Số lượng cổ phần hiện tại đang lưu hành là 10.454.361 cổ phần. Như vậy, ngày giao dịch không hưởng quyền giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau:

$$\frac{(19.100 \times 10.454.361) + (13.000 \times 10.454.361) + (0 \times 627.261)}{10.454.361 + 10.454.361 + 627.261} = 15.583 \text{ đồng/CP}$$

Ngoài ra, việc thay đổi vốn chủ sở hữu của SJ1 cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của SJ1, cụ thể như sau :

Số lượng cổ phần của Công ty thời điểm hiện tại là 10.454.361 cổ phần, số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty sau phát hành chào bán ra công chúng và trả cổ tức bằng cổ phiếu là 21.535.983 cổ phần, số lượng CP phát hành thêm là 11.081.622 cổ phần. Do số lượng cổ phần của Công ty tăng, nên ngay sau khi phát hành, thu nhập trên một cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng. Giả sử đến ngày 30/07/2017, đợt phát hành sẽ kết thúc, Công ty sẽ thu được toàn bộ số tiền từ đợt phát hành trên:

| STT | Nội dung  | 2017 (dự kiến) |
|-----|---|----------------|
| 1   | Lợi nhuận sau thuế TNDN cho niên độ 01/10/2016 đến 30/09/2017   | 40.800.000.000 |
| 2   | Số lượng cổ phiếu vào thời điểm 01/10/2016 – Cổ phiếu quỹ   | 10.454.361     |
| 3   | Số lượng cổ phiếu phát hành ra công chúng   | 10.454.361     |
| 4   | Số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu  | 627.261        |
| 5   | Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành (cổ phiếu) $\{(2)+(3)\}$<br>(nếu không bao gồm số lượng CP phát hành trả cổ tức bằng CP)  | 20.908.722     |
| 6   | Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành (cổ phiếu) $\{(2)+(3)+(4)\}$<br>(nếu bao gồm số lượng CP phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu)  | 21.535.983     |
| 7   | Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền sau khi phát hành tại thời điểm cuối tháng 07/2017 (cổ phiếu) $\{(2) \times 10 + (5) \times 2\} / 12$<br>(nếu không bao gồm số lượng CP phát hành trả cổ tức bằng CP) | 12.196.755     |
| 8   | Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền sau khi phát hành tại thời điểm cuối tháng 09/2017 (cổ phiếu) $\{((2)+(4)) \times 10 + (6) \times 2\} / 12$<br>(nếu bao gồm số lượng CP phát hành trả cổ tức bằng CP) | 12.824.016     |
| 9   | Thu nhập/cổ phiếu trước khi phát hành cho cổ đông hiện hữu (đồng/cp) $\{(1)/(2)\}$  | 3.903          |
| 10  | Thu nhập/cổ phiếu điều chỉnh (đồng/cổ phiếu) $\{(1)/(7)\}$<br>(nếu không bao gồm số lượng CP phát hành trả cổ tức bằng CP)  | 3.345          |

|    |  |       |
|----|--|-------|
| 11 | Thu nhập/cổ phiếu điều chỉnh (đồng/cổ phiếu) $(=1)/(8)$<br><i>(nếu bao gồm số lượng CP phát hành trả cổ tức bằng CP)</i> | 3.182 |
|----|--|-------|

Tại ngày 30/09/2016, giá trị sổ sách theo BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty là 14.692 đồng/CP. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần từ việc phát hành (với giả định Công ty không mua thêm cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty sẽ giảm.

Tuy nhiên, những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh sau đợt chào bán.

#### **6. Rủi ro quản trị công ty**

Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2000 và trở thành công ty niêm yết từ năm 2006. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban kiểm soát uy tín và chuyên nghiệp do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Do đó các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm thủy sản, nông sản, v.v... đội ngũ quản trị của Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong vấn đề quản trị Công ty.

#### **7. Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là các rủi ro về hỏa hoạn. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, v.v... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản của Công ty.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức phát hành

#### Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Ông: Trần Văn Hậu Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Từ Thanh Phụng Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: Nguyễn Minh Hoàng Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà: Huỳnh Thanh Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### 2. Tổ chức tư vấn

#### CTCP Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP.HCM

Đại diện: Bà Lê Quang Ngọc Thanh Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp.

*Giấy Ủy quyền số 126-2016/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 09 tháng 12 năm 2016*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cung cấp.

### III. CÁC KHÁI NIỆM


|                 |  |
|-----------------|--|
| Công ty, SJ1    | : Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu                   |
| HĐQT            | : Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu |
| Tổ chức tư vấn  | : Công ty cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP.HCM     |
| Điều lệ Công ty | : Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu           |
| SGDCKHN         | : Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội                        |
| CBCNV           | : Cán bộ công nhân viên                                  |
| TTLKCKVN        | : Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam                  |
| BCTC            | : Báo cáo Tài chính                                      |
| TSCĐ            | : Tài sản cố định  |
| DTT             | : Doanh thu thuần  |

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

##### 1.1. Tổng quan về Công ty

##### a. Thông tin chung

|                       |   |   |
|-----------------------|---|---|
| Tên Công ty           | : | Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu  |
| Tên giao dịch quốc tế | : | Hung Hau Agricultural Corporation   |
| Tên viết tắt          | : | Hung Hau Agricultural Corp  |
| Mã chứng khoán        | : | SJ1   |
| Địa chỉ               | : | Số 1004A Đường Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.              |
| Điện thoại            | : | (08) 3974 1135 – (08) 3974 1136   |
| Fax                   | : | (08) 3974 1280  |
| Website               | : | <a href="http://agri.hunghau.vn/">http://agri.hunghau.vn/</a>                       |
| Logo                  | : |  |
| Vốn điều lệ           | : | 104.553.710.000 đồng  |

##### b. Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh

##### ✚ Ngành nghề kinh doanh:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;

- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính.

#### Địa bàn kinh doanh:

##### ❖ *Đối với lĩnh vực nông nghiệp:*

- Thị trường truyền thống: Thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, thị trường EU, thị trường Châu Á.
- Thị trường tiềm năng: Thị trường Trung Quốc, Hồng Kông, Australia.
- Thị trường mục tiêu: Thị trường Mỹ, Canada, Mexico, Trung Đông và Đông Âu.

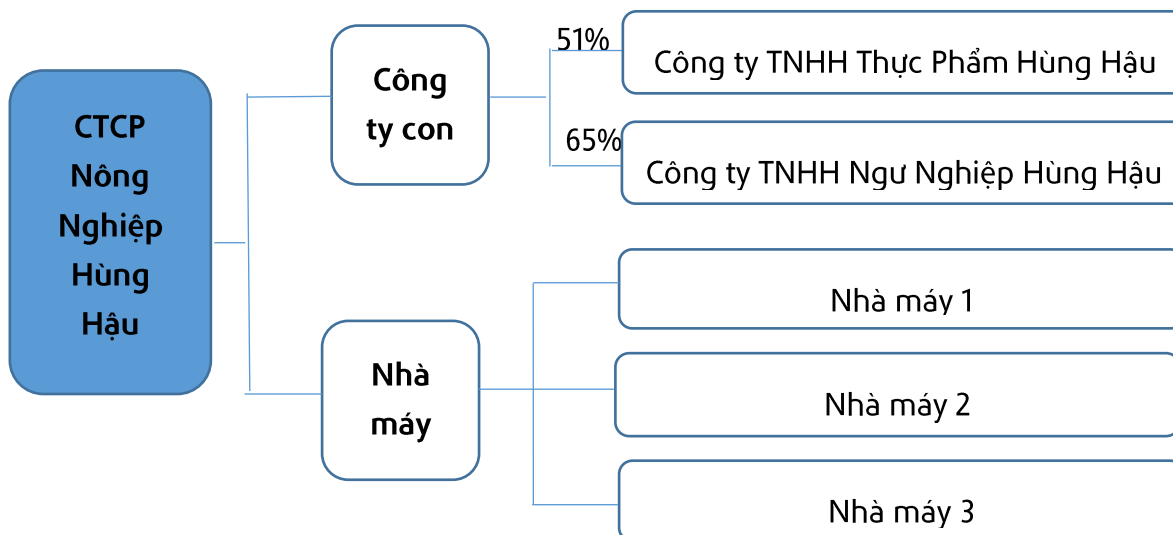
##### ❖ *Đối với lĩnh vực phân phối:* Các sản phẩm của Công ty đã có mặt tại rất nhiều siêu thị lớn trên cả nước như: Hệ thống siêu thị Vinmart (có 33 điểm phân phối), Hệ thống siêu thị Vinatex (có 30 điểm phân phối), Hệ thống siêu thị Satrafoods (có 40 điểm phân phối), v.v...

## 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

- **Năm 1988:** Công ty được thành lập với tiền thân là Xí nghiệp Mặt Hàng Mới hay Factory No.1.
- **Năm 2000:** Xí nghiệp Mặt Hàng Mới được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty CP Thủy Sản số 1. Vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng.
- **Năm 2006:** Chính thức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SJ1. Đây là một bước tiến mới trong việc đại chúng và quảng bá hơn nữa thương hiệu của SJ1.
- **Năm 2007:** Công ty tăng vốn điều lệ lên 35 tỷ đồng. Đây là lần đầu tiên Công ty tăng vốn điều lệ và đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình tăng quy mô, mở rộng hướng đầu tư để giúp Công ty phát triển bền vững hơn.
- **Năm 2009:** Chuyển niêm yết sang Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để phù hợp với quy định của Nhà nước.

- **Năm 2012:** Tăng vốn điều lệ lên 38,5 tỷ đồng bằng việc chia cổ tức 10% bằng cổ phiếu.
- **Năm 2014:** Tăng vốn điều lệ lên 55.832.000.000 đồng bằng việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- **Năm 2015:**
  - Ngày 01/06/2015: Đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Thủy Sản Số 1 thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
  - Ngày 28/08/2015: Đổi tên miền website của Công ty từ [www.seajoco.vn](http://www.seajoco.vn) sang [www.agri.hunghau.vn](http://www.agri.hunghau.vn)
  - Tăng vốn điều lệ lên 77.451.840.000 đồng thông qua 3 đợt phát hành. Đợt 1 phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đợt 2 và đợt 3 phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 và theo chương trình phát hành cho người lao động.
- **Năm 2016:** Tăng vốn điều lệ lên 104.553.710.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

## 2. Cơ cấu tổ chức công ty



### 2.1. Công ty con

Thông tin về Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu được thể hiện tại Mục 5.

### 2.2. Nhà máy

#### Nhà máy 1

Địa chỉ: KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.



Điện thoại: 08.37 966 545 – 08.37 966 546 Fax: 08. 37 966540

Chức năng:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do HĐQT/ Tổng Giám đốc giao.
- Quản lý tài sản Công ty giao, tổ chức xây dựng và thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa.
- Tổ chức thực hiện các dự án của Công ty tại nhà máy.

#### **Nhà máy 2**

Địa chỉ: Khu C – KCN Sa Đéc, Tp. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại: 067 3762 429 Fax: 067 3762 430

Chức năng:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do HĐQT/ Tổng Giám đốc giao.
- Quản lý tài sản Công ty giao, tổ chức xây dựng và thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa.
- Tổ chức thực hiện các dự án của Công ty tại nhà máy.

#### **Nhà máy 3**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp.


Điện thoại: 0673.911.333 Fax: 0673.912.333

Chức năng:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh do HĐQT/ Tổng Giám đốc giao.
- Quản lý tài sản Công ty giao, tổ chức xây dựng và thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa.
- Tổ chức thực hiện các dự án của Công ty tại nhà máy.

### **3. Bộ máy quản lý của Công ty**

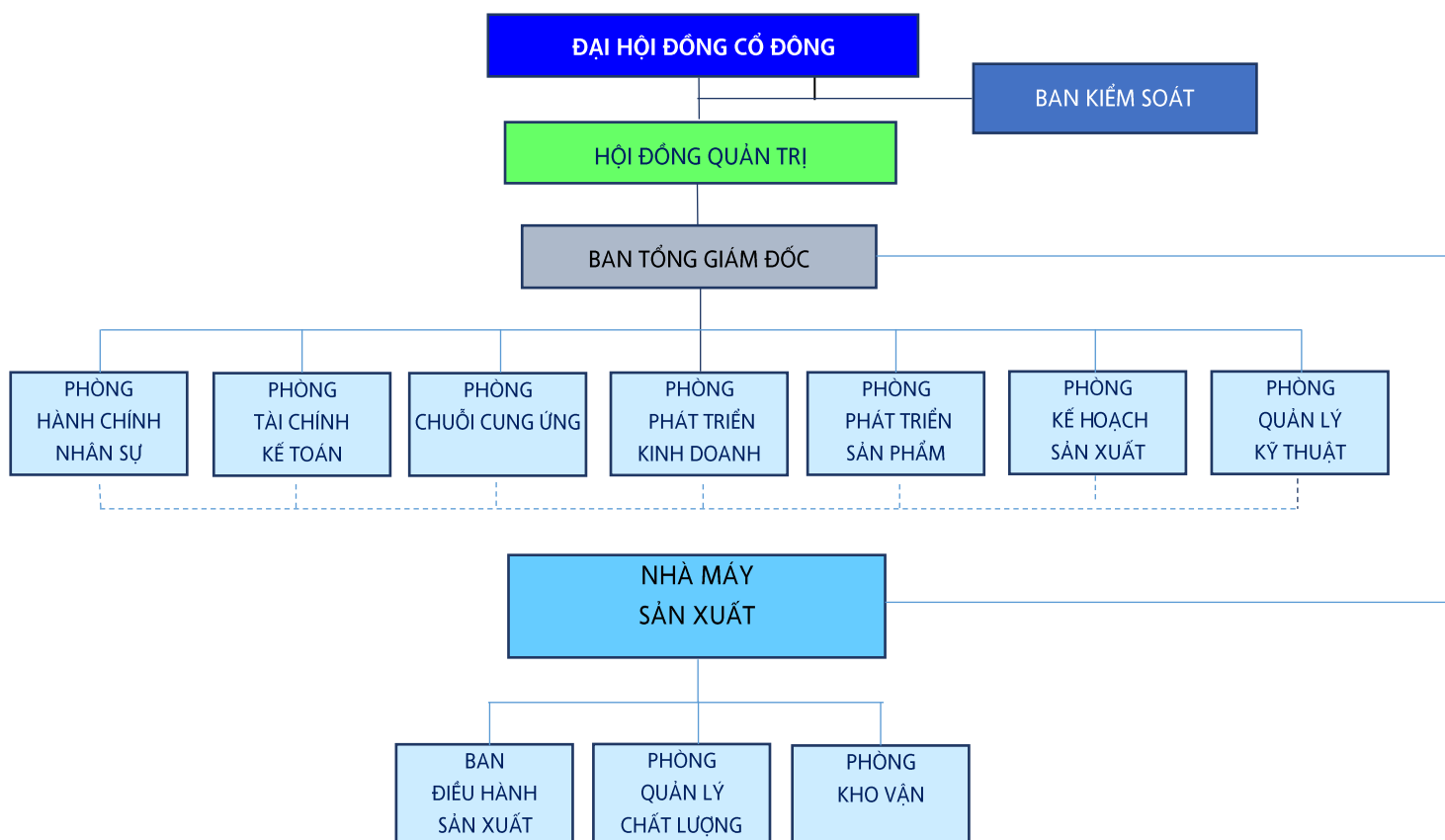
#### **3.1. Bộ máy quản lý của Công ty được chia thành**

 Tổ chức bộ máy Công ty bao gồm:

- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc: Gồm có 06 Phó Tổng Giám đốc điều hành giúp việc cho 01 Tổng Giám đốc, tùy theo qui mô hoạt động Hội đồng quản trị xem xét, quyết định số lượng Phó Tổng Giám đốc theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
- Các Phòng, Ban chức năng gồm có:
  - Phòng Hành chính – Nhân sự;

- Phòng Tài chính – Kế toán;
  - Phòng Chuỗi cung ứng;
  - Phòng Phát triển kinh doanh;
  - Phòng Phát triển sản phẩm;
  - Phòng Kế hoạch sản xuất;
  - Phòng Quản lý sản xuất.
- Nhà máy sản xuất của công ty gồm có:
- Ban điều hành sản xuất;
  - Ban quản lý chất lượng;
  - Phòng kho vận.

**Sơ đồ 01: Sơ đồ quản lý**



Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội cổ đông, HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc, Ban kiểm soát, các phòng ban và các nhà máy sản xuất được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và các qui chế, nội qui khác của Công ty cụ thể như sau:

#### - Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất Công ty. Tất cả các cổ đông, đại diện nhóm cổ đông có quyền biểu quyết, có quyền tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### - Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có 07 thành viên.

#### - Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát có nhiệm kỳ 5 năm, các thành viên có thể được bầu lại. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban.

#### - Ban Tổng Giám Đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Các quyền và nhiệm vụ:

- Thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hằng ngày của Công ty ngoại trừ các quyết định thuộc Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, giải quyết công việc hằng ngày.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý Công ty trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, cách chức.
- Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu về lợi nhuận, sự tăng trưởng và sự phát triển của Công ty.
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng quý và hàng năm của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng quý và hàng năm của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm bao gồm (cả bảng cân đối kế toán, báo cáo

hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình lên cho Hội đồng quản trị để thông qua.

- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.
- **Chức năng các phòng ban, phân xưởng**
  - **Phòng Hành chính – Nhân sự**
    - ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám đốc công tác tổ chức, cán bộ, nguồn lực, đào tạo, bảo hộ lao động, bảo vệ nội bộ, công tác hành chính quản trị.
    - ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám đốc về tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty.
    - ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám đốc công tác tuyển dụng, quy hoạch, đề bạt cán bộ Công ty.
    - ✓ Quản lý lao động, tiền lương cán bộ-công nhân viên.
    - ✓ Xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cho cán bộ, nhân viên và thi tay nghề công nhân toàn Công ty.
    - ✓ Phối hợp với các đơn vị và các bộ phận có liên quan tổ chức và huấn luyện lực lượng phòng chống tai nạn, sự cố trong sản xuất phù hợp đặc điểm của Công ty, đơn vị.
    - ✓ Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ theo quy định của pháp luật và Tổng Giám đốc Công ty giao.
    - ✓ Quản lý các công tác quản trị khác.
  - **Phòng Tài Chính – Kế Toán**
    - ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám đốc trong các công tác tài chính kế toán.
    - ✓ Thực hiện các nhiệm vụ tài chính, kế toán, hệ thống sổ sách kế toán, tổng hợp báo cáo định kỳ với các cơ quan chức năng.
    - ✓ Phân tích kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, sử dụng nguồn vốn của Công ty.
    - ✓ Lập và theo dõi thực hiện kế hoạch tài chính định kỳ hàng quý, năm và các vấn đề phát sinh.
    - ✓ Hạch toán SXKD; quản lý giá thành; quản lý theo dõi thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thu hồi công nợ.

- ✓ Đề xuất các biện pháp huy động và sử dụng nguồn vốn, các biện pháp quản lý có hiệu quả nhất.
- ✓ Thực hành, quản lý các hoạt động tài chính kế toán khác kịp thời, chính xác và hiệu quả nhất.
- **Phòng Chuỗi cung ứng**
  - ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám Đốc trong công tác phân phối hàng hóa của công ty vào hệ thống các siêu thị. Lập báo cáo hàng tuần, hàng quý... để Phó Tổng Giám Đốc nắm được tình hình cụ thể của phòng.
  - ✓ Lập kế hoạch hằng ngày và triển khai thực hiện các công tác theo lịch, điều hành phân phối nguồn nhân lực, điều phối xe chở hàng nhằm đảm bảo công tác phân phối các sản phẩm của công ty được thực hiện đúng theo yêu cầu của khách hàng.
  - ✓ Tiến hành kiểm tra chất lượng hàng hóa từng khâu: khâu vận chuyển hàng, xếp dỡ hàng vào kho của các siêu thị nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa.
  - ✓ Đề xuất các biện pháp phân phối hàng hóa để tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo việc phân phối đúng theo thời gian quy định.
- **Phòng Phát triển kinh doanh**
  - ✓ Lập báo cáo theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm trong từng thị trường, tìm hiểu, phân tích chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu từng sản phẩm của Công ty để báo cáo cho Phó Tổng Giám đốc.
  - ✓ Nghiên cứu, đánh giá để lựa chọn sản phẩm phù hợp cho từng thị trường mục tiêu.
  - ✓ Tìm kiếm thị trường mới, lập kế hoạch phát triển sản phẩm sang các thị trường có nhiều tiềm năng.
- **Phòng Phát triển sản phẩm**
  - ✓ Nghiên cứu, đánh giá chất lượng từng sản phẩm; tìm hiểu, nắm bắt rõ đặc điểm từng sản phẩm để có phương thức sản xuất, bảo quản phù hợp; từ đó đề xuất các phương án sản xuất cho Phó Tổng Giám đốc.
  - ✓ Kết hợp với Phòng phát triển kinh doanh để nghiên cứu phát triển sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu của thị trường mục tiêu.
  - ✓ Nghiên cứu các Bộ luật liên quan đến yêu cầu về chất lượng sản phẩm của từng nước để đảm bảo sản phẩm của Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện mà các thị trường mục tiêu quy định.

**▪ Phòng Kế hoạch sản xuất**

- ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám Đốc trong công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh và hợp đồng kinh tế.
- ✓ Quản lý, xây dựng và theo dõi các kế hoạch kinh doanh của công ty như đánh giá kế hoạch kinh doanh, kiểm tra việc thực hiện...
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ kinh tế như lập quản lý các hợp đồng kinh tế, mua bán vật tư; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; tổng hợp đánh giá hiệu quả các công trình thi công của Công ty.
- ✓ Quản lý tài sản cố định, dụng cụ thi công, vật tư, nguyên vật liệu.

**▪ Phòng Quản lý kỹ thuật**

- ✓ Thường xuyên kiểm tra chất lượng từng sản phẩm từ khâu nguyên liệu đầu vào, quy trình sản xuất đến sản phẩm đầu ra; lập báo cáo hàng tuần cho Phó Tổng Giám đốc.
- ✓ Nghiên cứu, xây dựng quy chuẩn chất lượng cho từng sản phẩm nhằm chuyên môn chất lượng từng sản phẩm của từng khâu sản xuất.
- ✓ Tìm hiểu quy chuẩn từng thị trường để đưa ra các giải pháp cho việc sản xuất từng sản phẩm.
- ✓ Nghiên cứu, đề xuất đưa máy móc thiết bị hiện đại vào dây chuyền sản xuất của Công ty nhằm giảm thiểu đối đa chi phí sản xuất, chuyên môn hóa quy trình sản xuất.

**▪ Nhà máy sản xuất:**

- ✓ Ban điều hành sản xuất:
  - Thực hiện điều phối nguồn nguyên vật liệu cho từng bộ phận của nhà máy, đảm bảo quy trình sản xuất hoạt động liên tục.
  - Điều hành các hoạt động của nhà máy từ khâu nhân sự, quá trình sản xuất đến khâu thành phẩm.
- ✓ Phòng quản lý chất lượng thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát đảm bảo mỗi sản phẩm đều đạt chất lượng theo quy chuẩn đã đề ra.
- ✓ Phòng kho vận đảm bảo công tác vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc được cung cấp đầy đủ để nhà máy; thành phẩm được phân phối kịp thời đến các điểm phân phối; đảm bảo chất lượng sản phẩm trong quá trình vận chuyển.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan (*bảng đính kèm*)

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần SJ1 trở lên

| Tên cổ đông                                    | Địa chỉ   | Số lượng cổ phần | Giá trị (triệu VNĐ) | Tỷ lệ (%) |
|--|---|------------------|---------------------|-----------|
| Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu            | 1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, TP.HCM, Việt Nam | 2.334.318        | 23.343.180.000      | 22,33     |
| Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam-Công ty Cổ phần | 2-4-6 Đồng Khởi, P Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM          | 1.770.862        | 17.708.620.000      | 16,94     |

*Nguồn: SJ1*

#### 4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ là Công ty Cổ phần Thủy Sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389 do được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu cấp lần đầu ngày 10/07/2000, thay đổi lần 18 ngày 17/01/2017.

Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### 4.3. Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 31/03/2017, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông

Nguồn: SJ1

| STT         | Cổ đông                   | Số lượng cổ đông | Số CP sở hữu      | Tỷ lệ (%)    |
|-------------|---------------------------|------------------|-------------------|--------------|
| <b>I</b>    | <b>Cổ đông là tổ chức</b> | <b>21</b>        | <b>4.114.571</b>  | <b>39,35</b> |
| 1           | Trong nước                | 16               | 4.108.360         | 39,29        |
| 2           | Nước ngoài                | 5                | 6.211             | 0,06         |
| <b>II</b>   | <b>Cổ đông cá nhân</b>    | <b>353</b>       | <b>6.340.800</b>  | <b>60,65</b> |
| 1           | Trong nước                | 330              | 6.316.217         | 60,41        |
| 2           | Nước ngoài                | 13               | 24.583            | 0,24         |
| <b>Tổng</b> |                           | <b>364</b>       | <b>10.455.371</b> | <b>100</b>   |

#### 5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của tổ chức phát hành

##### Công ty con:

##### - Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu

|                              |  |
|------------------------------|--|
| <b>Địa chỉ</b>               | Lô C3-1, Đường D2 và Đường N7, KCN Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh. |
| <b>Số điện thoại</b>         | 08 3860 4999   |
| <b>Fax</b>                   | 08 3860 2666   |
| <b>Website</b>               | info@hunghau.vn  |
| <b>Ngành nghề</b>            | Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự...  |
| <b>Vốn điều lệ</b>           | 60.000.000.000 đồng  |
| <b>Tỷ lệ vốn góp dự kiến</b> | 51% vốn điều lệ (đến 31/03/2017 đã góp 9.300.000.000 đồng)   |



## - Công ty TNHH Ngu Nghiệp Hùng Hậu

|                       |   |
|-----------------------|---|
| Địa chỉ               | Khu C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. |
| Số điện thoại         | 0971 603 333  |
| Fax                   | -   |
| Website               | -   |
| Ngành nghề            | Chế biến, bảo quản thủy sản, và các sản phẩm từ thủy sản...                                     |
| Vốn điều lệ           | 65.000.000.000 đồng   |
| Tỷ lệ vốn góp dự kiến | 65% vốn điều lệ (đến 31/03/2017 đã góp 1.750.000.000 đồng)                                      |

## 6. Báo cáo quá trình tăng vốn

| Lần | Thời gian hoàn thành đợt phát hành | Vốn điều lệ tăng thêm (đồng) | Vốn điều lệ sau phát hành (đồng) | Hình thức phát hành   | Cơ sở pháp lý  |
|-----|------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|---|--|
| 1   | 14/11/2007                         | 1.500.000.000                | 35.000.000.000                   | 1. Phát hành cho cổ đông hiện hữu.<br>2. Phát hành cho người lao động trong Công ty.<br>3. Phát hành cho cổ đông ngoài Công ty.<br>4. Phát hành cho người | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần 7 ngày 11/04/2007.<br>Giấy chứng nhận đăng ký chào bán CP ra công chúng số 151/UBCK-GCN do UBCK cấp ngày 23/08/2007.<br>Báo cáo kết quả chào bán CP ra công chúng số 84/BC-TS1 ngày 08/11/2007. |

|   |            |                |                |   |  |
|---|------------|----------------|----------------|---|--|
|   |            |                |                | nước ngoài.   |  |
| 2 | 01/12/2011 | 3.500.000.000  | 38.500.000.000 | Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức.               | <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ Lần thứ 12 lấy ý kiến bằng văn bản ngày 24/10/2011.</p> <p>Công văn chấp thuận phát hành của UBCK số 1877/UBCK-QLCB ngày 28/10/2011.</p> <p>Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 01/12/2011.</p>      |
| 3 | 01/07/2014 | 17.332.000.000 | 55.832.000.000 | Phát hành cho Cổ đông hiện hữu.                     | <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2013 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/09/2013.</p> <p>Giấy chứng nhận chào bán CP ra công chúng số 12/GCN-UBCK do UBCK cấp ngày 27/02/2014.</p> <p>Báo cáo kết quả chào bán CP ra công chúng ngày 01/07/2014.</p> |
| 4 | 17/03/2015 | 13.954.530.000 | 69.786.530.000 | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn | <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/NQ-ĐHĐCĐ</p>   |

|   |            |                |                 |  |   |
|---|------------|----------------|-----------------|--|---|
|   |            |                |                 | chủ sở hữu.  | <p>ngày 24/12/2014.</p> <p>Công văn chấp thuận phát hành của UBCK số 1210/UBCK-QLPH ngày 19/03/2015.</p> <p>Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu ngày 17/03/2015.</p>   |
| 5 | 24/07/2015 | 7.665.310.000  | 77.451.840.000  | <p>Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).</p> | <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2015.</p> <p>Công văn chấp thuận phát hành của UBCK số 5018/UBCK-QLPH ngày 12/08/2015.</p> <p>Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty số 22.2015/HHA/BC-CBTT ngày 07/08/2015.</p> |
| 6 | 03/08/2016 | 27.101.870.000 | 104.553.710.000 | Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức   | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 01/NQ-   |

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | <p>năm 2015 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.</p> | <p>ĐHĐCĐ ngày 23/04/2016.</p> <p>Công văn chấp thuận phát hành của UBCK số 4310/UBCK-QLCB ngày 04/07/2016.</p> <p>Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 29.2016/CV-CBTT ngày 03/08/2016.</p> |
|--|--|--|--|--|--|

## 7. Hoạt động kinh doanh

### 7.1. Các sản phẩm dịch vụ chính của công ty gồm:

|   |  |   |  |
|---|--|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Nông nghiệp</li> </ul> |  <p>Bạch tuộc tẩm bột</p> |  <p>Bánh xèo Việt Nam</p> |  <p>Cá tra, cá hồi và rau củ xiên que</p> |
|   |  <p>Bạch tuộc</p>         |  <p>Cá lười trâu cuộn</p> |  <p>Cá tra cắt khoanh</p>                 |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Phân phối</li> </ul>   |                           |                           |   |

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | Hệ thống siêu thị<br>VinMart  | Hệ thống siêu thị<br>Metro   | Hệ thống siêu thị<br>Satrafoods  |
|  | <br>HappyFoods Store | <br>Cửa hàng Vinmart + | <br>Hệ thống siêu thị<br>Maximark |

## 7.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

✚ Cơ cấu doanh thu qua các năm

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Đơn vị: Đồng

| Khoản mục                                | Từ 01/01/2015 đến<br>31/12/2015 |             | Từ 01/01/2016 đến<br>30/09/2016 |             | Từ 01/10/2016 đến<br>31/03/2017 |             |
|--|---------------------------------|-------------|---------------------------------|-------------|---------------------------------|-------------|
|  | Giá trị                         | Tỷ trọng    | Giá trị                         | Tỷ trọng    | Giá trị                         | Tỷ trọng    |
| Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm | 501.011.738.145                 | 97,60%      | 499.708.248.181                 | 93,08%      | 418.676.156.635                 | 96,04%      |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ               | 12.304.777.123                  | 2,40%       | 37.163.228.653                  | 6,92%       | 17.242.599.889                  | 3,96%       |
| <b>Tổng doanh thu thuần</b>              | <b>513.316.515.268</b>          | <b>100%</b> | <b>536.871.476.834</b>          | <b>100%</b> | <b>435.918.756.524</b>          | <b>100%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 đã được soát xét của SJ1

✚ Cơ cấu lợi nhuận qua các năm:

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận qua các năm

Đơn vị: Đồng

| Khoản mục                              | Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 |              | Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 |              | Từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 |              |
|--|------------------------------|--------------|------------------------------|--------------|------------------------------|--------------|
|  | Giá trị                      | Tỷ trọng (%) | Giá trị                      | Tỷ trọng (%) | Giá trị                      | Tỷ trọng (%) |
| Lợi nhuận gộp bán hàng hóa, thành phẩm | 36.851.562.799               | 76,23        | 43.754.000.217               | 80,37        | 29.311.030.958               | 75,48        |
| Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ         | 11.489.910.121               | 23,77        | 10.685.427.211               | 19,63        | 9.522.832.978                | 24,52        |
| <b>Tổng lợi nhuận gộp</b>              | <b>48.341.472.920</b>        | <b>100</b>   | <b>54.439.427.428</b>        | <b>100</b>   | <b>38.833.863.936</b>        | <b>100</b>   |

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017

đã được soát xét của SJ1

7.3. Chi phí hoạt động qua các năm

✚ Chi phí hoạt động của Công ty

Bảng 5: Chi phí hoạt động Công ty qua các năm

Đơn vị: Đồng

| Chi tiêu                     | Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 |              | Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 |              | Từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 |              |
|------------------------------|------------------------------|--------------|------------------------------|--------------|------------------------------|--------------|
|                              | Giá trị                      | Tỷ trọng/DTT | Giá trị                      | Tỷ trọng/DTT | Giá trị                      | Tỷ trọng/DTT |
|                              | ( Đồng)                      | (%)          | ( Đồng)                      | (%)          | ( Đồng)                      | (%)          |
| Giá vốn hàng bán             | 464.975.042.348              | 90,58%       | 482.432.049.406              | 89,86%       | 397.084.892.588              | 91,09%       |
| Chi phí tài chính            | 15.655.514.970               | 3,05%        | 16.203.004.425               | 3,02%        | 19.619.839.232               | 4,50%        |
| Chi phí lãi vay              | 12.070.101.959               | 2,35%        | 15.567.798.551               | 2,90%        | 17.072.230.823               | 3,92%        |
| Chi phí bán hàng             | 8.610.867.573                | 1,68%        | 8.131.379.568                | 1,51%        | 11.894.190.634               | 2,73%        |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 13.236.009.885               | 2,58%        | 8.643.818.194                | 1,61%        | 7.196.576.538                | 1,65%        |

|                   |                        |               |                        |               |                        |                |
|-------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|------------------------|----------------|
| ngiệp             |                        |               |                        |               |                        |                |
| Chi phí khác      | 484.635.509            | 0,09%         | 730.110.733            | 0,14%         | 280.138.669            | 0,06%          |
| Chi phí thuế TNDN | 3.980.643.162          | 0,78%         | 4.508.975.611          | 0,84%         | 2.342.448.029          | 0,54%          |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>506.942.713.447</b> | <b>98,76%</b> | <b>520.649.337.937</b> | <b>96,98%</b> | <b>438.418.085.690</b> | <b>100,57%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017

đã được soát xét của SJ1

Chi phí hoạt động của Công ty duy trì mức bình quân 98.77% tổng doanh thu thuần. Với đặc thù hoạt động trong ngành sản xuất do đó giá vốn thường là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty. Theo bảng số liệu, tỷ trọng giá vốn qua các năm tương đối ổn định và chiếm khoảng 90% doanh thu thuần. Khoản mục lớn thứ hai là chi phí tài chính chiếm 3% tổng doanh thu thuần, trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay. Trong 3 quý đầu năm 2016, chi phí lãi vay của công ty duy trì ở mức 15,5 tỷ đồng chiếm 2,90% tổng doanh thu thuần, nguyên nhân là do Công ty có khoản vay dài hạn 148 tỷ để đầu tư cho TSCĐ. Chi phí bán hàng chiếm 1,51% tổng doanh thu thuần trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp 1,61%.

Trong 2 quý đầu năm tài chính 30/09/2016 đến 30/09/2017, tổng chi phí vượt doanh thu thuần là do chi phí tài chính và chi phí bán hàng tăng cao; trong khi đó, doanh thu tài chính lũy kế 2 quý đầu kỳ kế toán này tăng mạnh (12 tỷ đồng) là do lãi thu được từ việc chuyển nhượng phần vốn góp vào Đại Học Văn Hiến (10 tỷ đồng).

#### 7.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh

##### Về công tác sản xuất:

- Công ty tiếp tục duy trì và không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALA, HACCP để cung cấp sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu mà Công ty đặc biệt quan tâm. Vì thế, các sản phẩm đều được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi đưa ra thị trường; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát và nhắc nhở người lao động thực hiện đúng những quy định trong sản xuất.
- Triển khai sử dụng máy chế tôm, máy quay sợi khoai tây vào dây chuyền sản xuất đã góp phần tiết giảm 1 lượng công nhân cũng như rút ngắn thời gian sản xuất, tiết kiệm chi phí.
- Hoạt động sản xuất trong phân xưởng ổn định, máy móc thiết bị được bảo trì bảo dưỡng tốt nên không có tình trạng hư hỏng khi đang sản xuất.

- Cải tạo mở rộng khu sản xuất hàng tấm bột, lắp bổ sung hầm đông nhằm tăng công suất sản xuất.
- Triển khai vận hành, quản lý sản xuất ở các Nhà máy Số 3 và Số 5, phối hợp luân chuyển nguyên liệu nhằm đáp ứng tối đa sản lượng cho các đơn hàng.
- Tăng cường gia công ở Nhà máy Số 9 đối với các mặt hàng đơn giản, nhằm giảm áp lực sản xuất của Nhà máy.
- Tăng cường công tác đào tạo nề nếp, huấn luyện các quy trình sản xuất để công nhân mới hiểu biết, nắm bắt, ý thức, kỷ luật về vệ sinh công nghiệp trong dây chuyền chế biến của Nhà máy.
- Lập báo cáo hồ sơ, biểu mẫu, kiểm nghiệm theo yêu cầu của từng khách hàng theo thị trường Xuất khẩu và Nội địa.
- Kiểm tra, kiến nghị cải tiến quy cách, nhãn mác bao bì cho phù hợp với điều kiện bảo quản sản phẩm.

#### Về công tác kinh doanh

- Tiếp tục xây dựng, duy trì hệ thống quảng bá thương hiệu và tiếp cận thị trường trên thế giới thông qua các website.
- Đội ngũ Sales được phân bổ chỉ tiêu, chăm sóc khách hàng chu đáo, luôn đáp ứng nhanh nhu cầu khách hàng. Áp dụng phần mềm CRM quản lý khách hàng, cập nhật thông tin các giao dịch thường xuyên với khách hàng. Xây dựng lại các chính sách bán hàng; định biên nhân sự, chế độ lương thưởng cho sales nhằm kích thích bán hàng.
- Việc xúc tiến bán hàng: triển khai chương trình PUM (dự án hỗ trợ tập huấn phát triển bán hàng của Hà Lan); tham dự hội chợ quốc tế Boston, EU, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản.
- Thường xuyên khảo sát, tìm hiểu thị trường, tích cực khai thác thêm khách hàng và thị trường mới. Trong 9 tháng đầu năm 2016 có thêm 28 khách hàng mới, trong đó 9 khách hàng GTGT và 19 khách hàng cá tra. Mở thêm 3 thị trường mới Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Đảo Cyp.
- Kết hợp đơn vị Công ty Phân phối Hùng Hậu mở rộng thị trường nội địa, phát triển mạng lưới rộng trên toàn quốc, trong đó có chuỗi siêu thị và hệ thống đại lý vùng miền.
- Phát triển, đẩy mạnh thêm hàng nguyên liệu nhập khẩu, đối với tôm, nhằm tìm nguồn cung cấp với giá cạnh tranh tốt hơn trong nước.

#### 7.5. Hoạt động Marketing

- Xây dựng website riêng với tên miền [www.agri.hunghau.vn](http://www.agri.hunghau.vn) để cung cấp thông tin chi tiết và quảng bá hình ảnh từng sản phẩm/ thương hiệu Nông nghiệp Hùng Hậu đến với người tiêu dùng trên phạm vi toàn cầu.



- Triển khai theo chiến lược marketing mix 4P+1 (Product, Place, Price, Promotion và People). Cụ thể:
  - **Product:** đưa ra thị trường những sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ nguồn nguyên liệu trong nước. Danh mục sản phẩm luôn luôn phong phú, hình thức sản phẩm có tính thẩm mỹ cao, chất lượng sản phẩm đạt đến độ tuyệt hảo so với những dòng sản phẩm tương tự trên thị trường, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước mà đặc biệt là khách hàng quốc tế.
  - **Place:** Ngoài việc sử dụng các kênh phân phối truyền thống là bán hàng qua hệ thống phân phối của khách hàng, Nông nghiệp Hùng Hậu cũng đã xây dựng thành công kênh bán hàng qua cửa hàng tiện ích (trung bày, giới thiệu và bán) HappyFood Store tại 2 địa điểm là 1004B Âu Cơ, P. Phú Thạnh. Q. Tân Phú, TP. HCM và 568 Lê Hồng Phong, P.10, Q.10, TP. HCM và bán trực tiếp cho hệ thống các siêu thị, nhà hàng trên phạm vi toàn quốc như METRO, Maximart, Big C, , Lotteria, Pizza Hut... cũng như các chợ trên địa bàn TP.HCM.
  - **Price:** Nông nghiệp Hùng Hậu căn cứ định lượng khẩu phần ăn của người tiêu dùng, mức chi tiêu bình quân của mỗi gia đình cho bữa ăn (tại mỗi khu vực thị trường) để làm cơ sở đưa ra quy cách sản phẩm (trọng lượng) và giá thành sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng. Ngoài ra các biện pháp tiết giảm chi phí sản xuất, hạn chế lãng phí tiêu hao nguyên liệu sản xuất cũng được Nông nghiệp Hùng Hậu thực hiện một cách nghiêm ngặt, với mục tiêu kéo giảm giá thành phẩm xuống mức thấp nhất (có thể) để luôn đưa được mức giá tốt nhất đến tay người tiêu dùng (trong và ngoài nước).
  - **Promotion:** Nông nghiệp Hùng Hậu thường xuyên sử dụng các giải pháp truyền thông tiên tiến để quảng bá sản phẩm và xây dựng thương hiệu: từ việc chuẩn hoá hệ thống nhận diện thương hiệu trong toàn Công ty đến các chương trình quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng; từ hội thảo chuyên ngành đến tham gia hội chợ thủy sản trong nước và quốc tế như Hội chợ Vietfish, Hội chợ Brussels, Nhật Bản, v.v; từ quan hệ truyền thông đến trách nhiệm xã hội...
  - **People:** Với đặc thù là doanh nghiệp chế biến thủy sản và các sản phẩm nông nghiệp, một loại hình doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, vì vậy yếu tố con người tại Nông nghiệp Hùng Hậu luôn được đề cao. Công ty luôn đề ra lộ trình tuyển dụng/tập huấn/đào tạo lại đội ngũ lao động để có được đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đảm đương tốt công việc hiện tại và đảm nhận được những vị trí cao hơn trong tương lai, bắt kịp xu thế phát triển và không ngừng mở rộng quy mô của doanh nghiệp.

### 7.6. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại đã đăng ký bản quyền:

| STT | Tên Sản phẩm  | Số đăng ký  |
|-----|---|---|
| 1   | -<br><div style="text-align: center;">  </div>   | - Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 265634 cấp ngày 13/07/2016 |
| 2   | -<br><div style="text-align: center;">  </div> |   |

### 7.7. Các hợp đồng mua hàng, cung cấp hàng hóa đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 6: Thông tin về các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ

| STT | Nội dung hợp đồng  | Tên đối tác                     | Ngày ký hợp đồng | Thời gian thực hiện               | Trị giá HĐ (USD) | Tỷ giá USD/VND (*) | Trị giá HĐ (Triệu đồng) |
|-----|--------------------|---------------------------------|------------------|-----------------------------------|------------------|--------------------|-------------------------|
| 1   | TONGUE SOLE FILLET | ITM ALIMENTAI RE INTERNATI ONAL | 30-Jun-16        | From September 2016 to March 2017 | 555,000.00       | 22.340             | 12.399                  |
| 2   | FROZEN             | THE                             | 18-Aug-16        | From                              | 216,720.00       | 22.330             | 4.839                   |

|   |                       |                           |           |                                       |            |        |        |
|---|-----------------------|---------------------------|-----------|---------------------------------------|------------|--------|--------|
|   | SUTCHI CUBE           | SEAFOOD                   |           | September<br>December<br>2016         |            |        |        |
| 3 | TAKO<br>KARAAGE V     | SHOKURYU                  | 5-Sep-16  | From Oct to<br>May 2016               | 525,950.00 | 22.330 | 11.744 |
| 4 | PANGASIUS<br>FILLET   | OCEAN<br>TREASURE<br>FOOD | 28-Sep-16 | From<br>October to<br>March 2017      | 302,500.00 | 22.340 | 6.759  |
| 5 | FROZEN<br>SUTCHI CUBE | THE<br>SEAFOOD            | 4-Nov-16  | From<br>January to<br>April 2017      | 456,120.00 | 22.360 | 10.199 |
| 6 | PANGASIUS<br>PORTION  | PAN<br>OCEAN<br>SINGAPORE | 31-Dec-16 | In January<br>2017                    | 235,123.20 | 22.790 | 5.358  |
|   | PANGASIUS<br>FILLET   |                           |           |                                       |            |        |        |
| 7 | FROZEN<br>SUTCHI CUBE | THE<br>SEAFOOD            | 18-Aug-16 | From<br>September<br>December<br>2016 | 216,720.00 | 22.330 | 4.839  |

Nguồn: Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu

(\*) Tỷ giá USD/VND là tỷ giá bán do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày ký hợp đồng

Bảng 7: Thông tin về các hợp đồng mua hàng, mua nguyên vật liệu

| STT | Nội dung HĐ                                  | Tên nhà<br>cung cấp               | Ngày ký HĐ                | Thời<br>gian<br>thực<br>hiện | Trị giá HĐ<br>(đồng) |
|-----|--|-----------------------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------|
| 1   | Tôm nguyên liệu<br>Số 002/SCD/2016,<br>PL 15 | Cty TNHH MTV Thủy<br>sản Diệp Nga | 04/01/2016,<br>20/10/2016 | 10/2016                      | 1.217.802.000        |

|   |  |                                     |            |         |               |
|---|--|-------------------------------------|------------|---------|---------------|
| 2 | Cá tra<br>Số 270/SCD/2016                    | Hộ nuôi trồng:<br>Huỳnh Ngọc Cơ     | 27/9/2016  | 10/2016 | 2.010.000.000 |
| 3 | Cá tra<br>Số 285/SCD/2016                    | Hộ nuôi trồng:<br>Võ T Ngọc Bình    | 14/10/2016 | 10/2016 | 3.240.000.000 |
| 4 | Bach tuộc<br>nguyên liệu<br>Số 278/SCD/2016  | Công ty TNHH Hoàn<br>Kim            | 04/10/2016 | 10/2016 | 1.740.000.000 |
| 5 | Tôm sú vỏ 41-50,<br>51-60<br>Số 314/SCD/2016 | Công ty TNHH TM<br>Thủy sản Đức Anh | 07/12/2016 | 12/2016 | 1.522.800.000 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu

**8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

**8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất SJ1**

Bảng 8: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu                                   | Từ 01/01/2015<br>đến 31/12/2015 | Từ 01/01/2015<br>đến 30/09/2015 | Từ 01/01/2016<br>đến 30/09/2016 | % Tăng<br>giảm | Từ 01/10/2016<br>đến 31/03/2017 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------|---------------------------------|
| 1. Tổng giá trị tài sản                    | 403.439.257.132                 | 376.203.976.404                 | 734.160.883.640                 | 95,15%         | 805.208.705.798                 |
| 2. Vốn chủ sở hữu                          | 140.220.822.197                 | 133.968.048.025                 | 153.593.789.983                 | 14,65%         | 155.045.972.056                 |
| 3. Doanh thu thuần                         | 513.316.515.268                 | 382.528.402.023                 | 536.871.476.834                 | 40,35%         | 435.918.756.524                 |
| 4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 13.647.970.743                  | 8.493.723.902                   | 23.751.338.959                  | 179,63%        | 12.817.897.529                  |

|                                   |                |                |                |         |                |
|-----------------------------------|----------------|----------------|----------------|---------|----------------|
| 5. Lợi nhuận khác                 | 6.561.058.643  | 3.706.657.703  | 112.381.647    | -96,97% | -204.533.977   |
| 6. Lợi nhuận trước thuế           | 20.209.029.386 | 12.200.381.605 | 23.863.720.606 | 95,60%  | 12.613.363.552 |
| 7. Lợi nhuận sau thuế             | 16.228.386.224 | 9.516.297.652  | 19.354.744.995 | 103,39% | 10.270.915.523 |
| 8. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) | 71,58%         | -              | 64,82%         | -10,43% | -              |

*Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 đã được soát xét của SJ1*

Tính đến ngày 30/09/2016, tổng tài sản của Công ty đạt 734.160 triệu đồng, tăng 81,98% so với đầu năm, tương đương 330.721 triệu đồng; chủ yếu là do trong năm Công ty tiến hành đầu tư nâng cấp nhà xưởng, mua mới máy móc thiết bị, cụ thể so với đầu năm: Tài sản hữu hình tăng 132,99% tương đương 94.549 triệu đồng, tài sản vô hình tăng 289,52% tương đương 41.094 triệu đồng. Ngoài ra, lượng hàng tồn kho vào thời điểm 30/09/2016 là 204.940 triệu đồng, tăng 142,75% so với đầu năm; nguyên nhân là do tại thời điểm này nguồn nguyên liệu đầu vào biến động mạnh do ảnh hưởng của thời tiết, biến đổi khí hậu nên Công ty thực hiện chính sách tồn kho dự trữ đầu vào nhằm ổn định nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, so với cùng kỳ năm trước, doanh thu 3 quý đầu năm 2016 tăng 40,35% tương đương 154.343 triệu đồng. Điểm đặc biệt là so với quý III năm 2015, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh (179,63%); nguyên nhân chính là do trong năm Công ty thực hiện chính sách quản lý giá vốn hiệu quả, giúp tiết kiệm một lượng lớn chi phí. Do lợi nhuận khác giảm mạnh (-96,97%) nên lợi nhuận trước thuế chỉ tăng 95,60% tương đương 11.663 triệu đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng 103,39% tương đương 9.838 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2015, điều này cho thấy nỗ lực rất lớn của tập thể Cán bộ công nhân viên của Công ty do năm 2016 được đánh giá là một năm đầy khó khăn với ngành thủy sản nói chung và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nói riêng.

## 8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo:

### ✚ Thuận lợi:

- Năm 2016, mặc dù việc sản xuất thủy sản gặp bất lợi do tình hình thời tiết khắc nghiệt nhưng hoạt động xuất khẩu của Công ty vẫn đảm bảo diễn ra đúng tiến độ, các thị trường xuất khẩu chính của Công ty là Nhật Bản, Hàn Quốc và Eu, v.v... vẫn có nhu cầu cao.

- Thương hiệu và uy tín của Công ty đã tạo lập với các đối tác, chủ đầu tư trên thị trường.
- Đội ngũ các cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm, tương tác công việc tốt, hỗ trợ nhau tích cực giữa các phòng ban.
- Hệ thống nhóm khách hàng truyền thống, chủ động giao thương các giao dịch dài hạn, ổn định.
- Hệ thống quản lý chất lượng, quy trình sản xuất tốt, cho ra các dòng sản phẩm tươi sạch luôn đáp ứng được nhu cầu khách hàng và các thị trường khó tính.
- Thực hiện cơ cấu lại nhóm mặt hàng chủ lực, đẩy mạnh việc kinh doanh nhóm hàng này.
- Thường xuyên khảo sát, nắm bắt thị trường nên Công ty luôn có một lượng nguyên liệu chính dự trữ chất lượng ổn định để đảm bảo sản xuất kinh doanh.
- Tình hình kinh tế trong nước dần hồi phục, sản xuất trong nước đang đi vào ổn định.

#### **Khó khăn:**

- Nguồn nguyên liệu không ổn định, giá thành sản xuất cao: Thực tế, nguồn nguyên liệu hiện nay không ổn định do đầu vào sản xuất nguyên liệu như: thức ăn, con giống, hóa chất, kháng sinh đều phụ thuộc phần lớn vào các nguồn cung nước ngoài, các cơ quan quản lý chưa hoặc không kiểm soát được, dẫn đến dịch bệnh, chất lượng kém. Chi phí sản xuất cao hơn so với các nước khác khiến cho giá thành sản phẩm và giá xuất khẩu cao, làm giảm khả năng cạnh tranh.
- Rào cản kỹ thuật và bảo hộ thương mại: Những rào cản như thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, các quy định kiểm tra hóa chất, kháng sinh hay chương trình thanh tra riêng biệt,... đang được các nước nhập khẩu tăng cường áp dụng.
- Thách thức về vấn đề lao động: Thủy sản là ngành cần lực lượng lao động lớn. Trong khi, thực trạng lao động trong ngành không ổn định. Các ràng buộc và quy định chặt chẽ về lao động từ FTA sẽ tăng thêm thách thức cho các DN chế biến thủy sản. Tình hình thu nhận lao động năm 2016 tiếp tục biến động mạnh, mặc dù Ban lãnh đạo Công ty đã chú trọng đến các chính sách về quyền lợi của người lao động (lương, thưởng, đãi ngộ,...)
- Quy định về thủ tục hành chính (cấp phép XK lần đầu tại Trung Quốc; quy trình đánh giá công nhận DN XK của LB Nga ..v.v.).

## **9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **9.1. Vị thế của công ty trong ngành**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tiền thân là Xí nghiệp Mặt Hàng Mới hay No.1 được thành lập và hoạt động từ năm 1988, đến năm 2000 Xí nghiệp Mặt Hàng Mới hay No.1 được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1. Năm 2015, Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1 đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (SJ1) với số vốn điều lệ lên tới 104.5 tỷ đồng. Trải qua nhiều thăng trầm cùng với sự biến động lớn

của nền kinh tế, Công ty vẫn đứng vững và ngày càng phát triển mạnh trong lĩnh vực chế biến và phân phối các sản phẩm thủy sản, nông sản trong và ngoài nước. Ngoài ra, trong lĩnh vực giáo dục, Công ty cũng đang ngày càng khẳng định vị thế của mình trong phân khúc này.

Trong quá trình phát triển, Công ty không ngừng cập nhật, đổi mới về kỹ thuật, công nghệ, tổ chức quản lý. Hiện nay với đội ngũ cán bộ quản lý là kỹ sư, chuyên viên giàu kinh nghiệm, thạo việc trong các ngành chế biến thủy sản, nông sản; đội ngũ công nhân lành nghề công ty sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước; đội ngũ giảng viên có tâm với nghề, có trình độ giảng dạy...Qua thực tế hoạt động, Công ty đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như:

| Tên chứng nhận                   | Nội dung  |
|----------------------------------|---|
| <b>Chứng nhận DL01</b>           | Giấy phép xuất khẩu vào thị trường EU.  |
| <b>Chứng nhận ISO 9001:1998</b>  | Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 1998.  |
| <b>Chứng nhận ISO 9001:2000</b>  | Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 2000.  |
| <b>Chứng nhận ISO 22000:2005</b> | Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 2200 phiên bản 2005.                                     |
| <b>Chứng nhận HALAL</b>          | Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của cộng đồng các nước Hồi giáo HALAL.                              |
| <b>Chứng nhận BRC</b>            | Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu – BRC (Tiêu chuẩn của hiệp hội bán lẻ Anh Quốc). |
| <b>Chứng nhận HACCP</b>          | Hệ thống Phân tích mối nguy và Kiểm soát điểm tới hạn.  |

| Thời gian                   | Thành tích đạt được  |
|-----------------------------|--|
| <b>Năm 1992</b>             | Công ty vinh dự nhận Huân chương lao động hạng II vì thành tích đạt được trong sản xuất kinh doanh từ 1987 – 1991.   |
| <b>Năm 1998</b>             | Công ty vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng I vì thành tích nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1993 - 1997.                                      |
| <b>Năm 2002 - 2008</b>      | Công đoàn Công ty vinh dự nhận được cờ thi đua cùng bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho Phong trào Phụ nữ 2 giỏi "Giỏi việc nước – Đảm việc nhà". |
| <b>Năm 2004; 2005; 2007</b> | Huy chương vàng Hội chợ Vietfish.  |

|                        |   |
|------------------------|---|
| <b>Năm 2006</b>        | Cúp vàng thương hiệu hội nhập.  |
| <b>Năm 2006</b>        | Đạt thành tích cao trong phong trào thi đua “Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo An toàn vệ sinh lao động” 10 năm (1996 – 2006).   |
| <b>Năm 2003 - 2012</b> | Nhận được cờ thi đua và bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vì thành tích Xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh.  |
| <b>Năm 2013</b>        | Nhận bằng khen của Tổng LĐLĐVN cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi & xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.  |
| <b>Năm 2014</b>        | Nhận bằng khen của Ban CHCĐNN & PTNT Việt Nam cho đơn vị có Thỏa ước lao động tập thể chất lượng cao & Cờ Tổng LĐLĐVN cho tập thể.  |
| <b>Năm 2015</b>        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận giải thưởng Sao vàng Đất Việt ngày 04/10/2015.</li> <li>- Nhận cờ Công đoàn ngành do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn trao tặng cho tập thể Công đoàn Công ty.</li> </ul>   |
| <b>Năm 2016</b>        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày 29/7/2016 Công ty được vinh danh tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên 2016 (ARA 2016) do Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM, Báo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital phối hợp tổ chức, với thành tích đạt được TOP 30 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016.</li> <li>- Ngày 05/9/2016 Công ty được nhận giải: “AEC Priority Intergration Sector Excellence Awards” của Asean Business Advisory Council.</li> <li>- Ngày 06/12/2016 Công ty vinh dự nhận được danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2015”.</li> </ul> |

Như vậy, với những nỗ lực không ngừng của toàn thể Cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã ngày càng trưởng thành và phát triển trong lĩnh vực chế biến thủy sản, nông sản và giáo dục; vừa tạo được mối quan hệ thân thiết với các nhà cung cấp, vừa có được niềm tin của các khách hàng đặc biệt là các Bệnh viện, nhà thuốc lớn. Công ty đang ngày một khẳng định vị thế của mình trong ngành, góp phần tạo nên sự phát triển của ngành thủy sản nước ta.

## 9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo dự báo của OECD, kinh tế thế giới dự kiến tăng trưởng 3,3% năm 2017, theo đó các nền kinh tế lớn như Nhật Bản dự kiến tăng trưởng 1%, khu vực châu Âu ( EU) 1,6%, Mỹ 2,3% và Trung Quốc 6,4%. Điều này thể hiện triển vọng tăng trưởng nền kinh tế toàn cầu



bất chấp tác động tiêu cực của Brexit hay những chính sách khó lường khi ông Trump lên nắm quyền.

Do định hướng tập trung phát triển các ngành chế tạo, chế biến xuất khẩu nền kinh tế Việt Nam được đánh giá tăng trưởng 6,3% trong năm 2017 (theo WB). Nền kinh tế phát triển tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành thuận lợi, nhu cầu tiêu dùng trong nước gia tăng. Thêm vào đó, triển vọng phát triển ngành xuất khẩu thủy sản của Việt Nam là rất lớn khi các chính sách của Nhà nước đang tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đẩy mạnh công tác xuất khẩu thủy sản; nhu cầu các thị trường như Mỹ, Nhật, Eu vẫn ở mức cao; chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào của ngành đang được chú trọng nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường mục tiêu.

Ngoài ra, do chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao, đặc biệt là ở các thành phố lớn; do vậy nhu cầu được học và rèn luyện ở một môi trường năng động, chuyên nghiệp, có liên kết với nước ngoài luôn là tiêu chí ưu tiên để chọn trường của các bạn sinh viên và các bậc phụ huynh.

Theo đó triển vọng phát triển của ngành chế biến nông sản, giáo dục đang mở ra cơ hội lớn cho sự lớn mạnh của Công ty.

### **9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thị trường thế giới**

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ năng lực, điều kiện của Công ty, đặc điểm tình hình có liên quan đến lĩnh vực hoạt động, những cơ hội và thách thức, dự kiến những mục tiêu và định hướng phát triển cơ bản của SJ1 trong thời gian tới như sau:

#### **Các mục tiêu chủ yếu:**

- Tập trung phát triển quy mô, thị phần của Công ty trong ngành thủy sản
- Chú trọng gia tăng tỷ trọng, đa dạng hóa các sản phẩm tinh chế được chế biến, đóng gói sẵn để thuận tiện trong việc tiêu thụ trực tiếp tại các nhà hàng, siêu thị nước ngoài.

#### **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Luôn giữ vững thương hiệu và tạo dựng vị thế của Công ty trong ngành chế biến thủy hải sản nói chung và thị trường tiêu thụ nói riêng với những sản phẩm đặc trưng cùng sản phẩm mới.
- Không ngừng học hỏi, đổi mới, tập trung đa dạng hóa các mặt hàng, nghiên cứu sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, giảm giá thành nhưng ổn định về mặt chất lượng. Công ty đã đề ra mục tiêu doanh thu cho thị trường nội địa trong 5 năm sẽ chiếm 20% tổng doanh thu.
- Tập trung tiếp cận và thiết lập mạng lưới phân phối các sản phẩm của Công ty vào các hệ thống nhà hàng, khách sạn cao cấp.
- Tập trung mở rộng thị trường xuất khẩu.

## 10. Chính sách đối với người lao động

### 10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Bảng 9: Cơ cấu lao động của SJ1

| STT | Tính chất phân loại               | Số lượng<br>(người) | Tỷ lệ<br>(%) |
|-----|-----------------------------------|---------------------|--------------|
| A   | Theo trình độ                     | 531                 | 100%         |
| 1   | Trên Đại học                      | 1                   | 0,19%        |
| 2   | Đại học                           | 66                  | 12,43%       |
| 3   | Cao đẳng                          | 28                  | 5,27%        |
| 4   | Khác                              | 436                 | 82,11%       |
| B   | Theo tính chất hợp đồng lao động  | 531                 | 100%         |
| 1   | Hợp đồng có xác định thời hạn     | 289                 | 54,43%       |
| 2   | Hợp đồng không xác định thời hạn  | 116                 | 21,85%       |
| 3   | Hợp đồng theo thời vụ (công nhật) | 126                 | 23,73%       |

Nguồn: SJ1

### 10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

#### Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty rất coi trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Trong năm thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng chuyên môn nâng cao trình độ của người lao động và các lớp bồi dưỡng kiến thức về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã cử cán bộ tham gia khóa học quy tắc 5S trong quy trình chế biến và bảo quản sản phẩm. Ngoài ra, Công ty cũng cử người tham gia các khóa học ngắn hạn về cập nhật kiến thức thuế, tiền lương, quy trình sản xuất, kiểm tra chất lượng, v.v...

#### Về môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng tối đa trong việc tạo ra một môi trường làm việc hiện đại, công bằng giữa các cá nhân; năng động, thân thiện và tôn trọng giữa người lao động với người lao động và giữa lãnh đạo với người lao động. Các cán bộ nhân viên tại Công ty đều được tạo cơ hội phát huy tối đa khả năng vốn có và phát triển bản thân. Những đóng góp, chia sẻ và cống hiến luôn được ghi nhận và đánh giá kịp thời. Trong năm, Công ty đã tổ chức

sửa chữa và nâng cấp các phòng nghỉ giữa ca cho công nhân nhằm tạo sự thoải mái, tái tạo sức lao động.

#### **✚ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ**

Công ty luôn tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên với những chế độ đãi ngộ và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty luôn duy trì chính sách thưởng đột xuất, chính sách thưởng hàng kỳ cho cá nhân và tập thể căn cứ vào những thành tích nỗ lực hoàn thành công việc, năng suất lao động cao, thực hành tiết kiệm và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chất lượng, phương pháp tổ chức sản xuất.

##### **❖ Lương 3P:**

- Đối tượng áp dụng: CB-NV khối gián tiếp.
- Cơ cấu lương 3P:
  - **Lương P1:** Lương theo vị trí công việc.
  - **Lương P2:** Lương theo năng lực.
  - **Lương P3:** Thưởng kết quả hoàn thành mục tiêu công việc khi Công ty đạt mục tiêu kinh doanh (lợi nhuận), chiếm 5% tổng lương 3P, cụ thể:
    - ✓ Đạt dưới 70% mục tiêu kinh doanh: Không được hưởng lương P3;
    - ✓ Đạt từ 70%-80% mục tiêu kinh doanh: Hưởng 50% lương P3;
    - ✓ Đạt từ 80%-90% mục tiêu kinh doanh: Hưởng 75% lương P3;
    - ✓ Đạt từ 90%-100% mục tiêu kinh doanh: Hưởng 100% lương P3;
    - ✓ Đạt trên 100% mục tiêu kinh doanh: Hưởng 100% lương P3 + Bonus.

##### **❖ Lương sản phẩm:**

- Đối tượng áp dụng: CB-NV-CN khối trực tiếp sản xuất.
- Cơ cấu: Hưởng lương theo sản lượng sản phẩm sản xuất được.
- Thưởng trên cơ sở mục tiêu đạt được tương ứng.

Đối với chế độ đãi ngộ, Công ty luôn thực hiện tốt và đầy đủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật. Định kỳ cho cán bộ nhân viên khám sức khỏe, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì các hoạt động đoàn thể, tổ chức bữa ăn cho cán bộ công nhân viên luôn đảm bảo "Đủ lượng, đủ chất và an toàn vệ sinh thực phẩm".

## **11. Chính sách cổ tức**

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của

công ty sau khi phân bổ cho các quỹ như: quỹ khen thưởng phúc lợi, v.v... thì sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Bảng 10: Chính sách cổ tức

| STT | Năm  | Tỷ lệ cổ tức | Hình thức<br>(Tiền mặt/CP) |
|-----|------|--------------|----------------------------|
| 1   | 2014 | 12%          | 6%Tiền mặt + 6% Cổ phiếu   |
| 2   | 2015 | 15%          | 5%Tiền mặt + 10% Cổ phiếu  |
| 3   | 2016 | 12%          | 6%Tiền mặt + 6% Cổ phiếu   |

Nguồn: NQ ĐHĐCĐ thường niên 2015, 2016, 2017

## 12. Tình hình tài chính

### 12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

##### Báo cáo về Vốn điều lệ

Bảng 11: Vốn điều lệ qua các năm

| STT | Giấy ĐKKD                               | Ngày cấp   | Vốn điều lệ<br>(VNĐ) |
|-----|---|------------|----------------------|
| 1   | GCN ĐKKD đăng ký lần đầu số: 4103000113 | 10/07/2000 | 20.000.000.000       |
| 2   | GCN ĐKKD đăng ký lần 7 số: 4103000113   | 22/10/2008 | 35.000.000.000       |
| 3   | GCN ĐKKD đăng ký lần 10 số: 0302047389  | 19/06/2012 | 38.500.000.000       |
| 4   | GCN ĐKKD đăng ký lần 14 số: 0302047389  | 24/09/2014 | 55.832.000.000       |
| 5   | GCN ĐKKD đăng ký lần 15 số: 0302047389  | 01/06/2015 | 69.786.530.000       |
| 6   | GCN ĐKKD đăng ký lần 16 số: 0302047389  | 02/11/2015 | 77.451.840.000       |
| 7   | GCN ĐKKD đăng ký lần 17 số: 0302047389  | 06/10/2016 | 104.553.710.000      |

Nguồn: SJ1

Từ khi thành lập đến nay, SJ1 đã trải qua 06 lần thay đổi vốn điều lệ. Vốn điều lệ được Công ty sử dụng vào đầu tư tài sản và một phần dùng làm vốn lưu động cho Công ty.

##### Báo cáo tình hình vốn kinh doanh

Bảng 12: Vốn kinh doanh qua các năm

Đơn vị: Đồng

| Chi tiêu                  | 01/01/2016             | 30/09/2016             | 31/03/2017             |
|---------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 77.451.840.000         | 104.553.710.000        | 104.553.710.000        |
| Thặng dư vốn cổ phần      | 29.153.369.960         | 29.153.369.960         | 29.123.369.960         |
| Cổ phiếu quỹ              | -10.100.000            | -10.100.000            | -10.100.000            |
| Quỹ đầu tư phát triển     | 16.466.640.376         | -                      | 1.935.474.500          |
| LNST chưa phân phối       | 17.159.071.861         | 19.896.810.023         | 19.443.517.596         |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>140.220.822.197</b> | <b>153.593.789.983</b> | <b>155.045.972.056</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 đã được soát xét của SJ1

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được lấy từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối.

#### b. Trích khấu hao TSCĐ:

Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao áp dụng cho các loại tài sản tại Công ty như sau:

Bảng 13: Thời gian khấu hao Tài sản cố định

| Nhóm tài sản cố định                | Số năm khấu hao |
|-------------------------------------|-----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc              | 05 – 40 năm     |
| Máy móc thiết bị                    | 03 – 12 năm     |
| Phương tiện vận tải                 | 04 – 08 năm     |
| Thiết bị văn phòng                  | 03 – 06 năm     |
| Quyền sử dụng đất                   | 32 – 44 năm     |
| Chương trình phần mềm               | 05 – 08 năm     |
| Nhóm tài sản cố định thuê tài chính | Số năm khấu hao |
| Máy móc thiết bị                    | 07 – 10 năm     |
| Phương tiện vận tải                 | 08 năm          |

Nguồn: SJ1

**c. Mức lương bình quân:**

Mức lương bình quân người lao động SJ1 được trả như sau:

Bảng 14: Mức lương bình quân

Đơn vị: Đồng

| Mức lương (đồng/người/tháng) |                              |                              |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 | Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 | Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 |
| 5.543.366                    | 6.239.123                    | 6.634.263                    |

Nguồn: SJ1

**d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

**e. Các khoản phải nộp theo luật định:**

Bảng 15: Các khoản thuế phải nộp

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu                                   | 01/01/2016           | 30/09/2016           | 31/03/2017           |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b> | <b>4.398.122.396</b> | <b>4.937.069.414</b> | <b>5.038.420.397</b> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                 | 1.296.559.209        | 2.611.345.228        | 4.953.793.257        |
| Thuế thu nhập cá nhân                      | 9.040.112            | 36.598.586           | -                    |
| Tiền thuê đất                              | 3.092.523.075        | 2.289.125.600        | 84.627.140           |
| Các loại thuế khác                         | -                    | -                    | -                    |

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 đã được soát xét của SJ1

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước và cơ quan thuế. Công ty thực hiện việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho CB CNV đầy đủ theo luật định.

**f. Trích lập các quỹ theo luật định:**

Công ty tiến hành trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Tỷ lệ trích lập các Quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông

thông qua hàng năm. Tình hình số dư các quỹ vào cuối năm 2015, tại thời điểm 30/09/2016, và đến 31/03/2017 như sau:

Bảng 16: Số dư các quỹ

Đơn vị: Đồng

| Các quỹ của Công ty       | 01/01/2016            | 30/09/2016         | 31/03/2017           |
|---------------------------|-----------------------|--------------------|----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển     | 16.466.640.376        | -                  | 1.935.474.500        |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 3.341.985             | 607.678.023        | 392.755.745          |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>16.469.982.361</b> | <b>607.678.023</b> | <b>2.328.230.245</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 đã được soát xét của SJ1

**g. Tổng dư nợ vay:**

Bảng 17: Tổng dư nợ vay

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu               | 01/01/2016             | 30/09/2016             | 31/03/2017             |
|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay và nợ nay ngắn hạn | 183.716.302.075        | 274.313.853.761        | 274.422.382.484        |
| Nợ dài hạn             | 43.123.739.127         | 148.980.640.887        | 134.984.138.308        |
| <b>Tổng dư nợ vay</b>  | <b>226.840.041.202</b> | <b>423.294.494.648</b> | <b>409.406.520.792</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 đã được soát xét của SJ1

Bảng 18: Chi tiết nợ vay ngắn hạn

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu                             | 01/01/2016             | 30/09/2016             | 31/03/2017             |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Vay và nợ nay ngắn hạn</b>        | <b>183.716.302.075</b> | <b>274.313.853.761</b> | <b>274.422.382.484</b> |
| <b>1. Kỳ hạn từ 03 - 06 tháng</b>    | <b>175.346.324.779</b> | <b>250.822.980.819</b> | <b>249.227.676.212</b> |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 89.091.458.578         | 90.021.281.814         | 89.829.897.476         |
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC              | 30.335.979.695         | 29.422.294.066         | -                      |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín    | 9.111.038.656          | 95.020.318.779         | 94.195.607.064         |
| Ngân hàng TMCP Á Châu                | 29.598.861.390         | 29.859.086.160         | 58.758.171.672         |

|  |                      |                       |                       |
|--|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn    | 16.377.752.760       | 6.500.000.000         | 6.444.000.000         |
| Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam           | 831.233.700          | -                     | -                     |
| <b>2. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>                 | <b>8.369.977.296</b> | <b>23.490.872.942</b> | <b>25.194.706.272</b> |
| Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn    | 328.800.000          | 4.245.466.670         | 5.028.800.004         |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn                           | -                    | 4.400.000.000         | 4.800.000.000         |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín                | 3.200.040.000        | 8.947.540.000         | 9.468.039.996         |
| Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam | 4.841.137.296        | 5.897.866.272         | 5.897.866.272         |

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 đã được soát xét của SJ1

Bảng 19: Chi tiết nợ vay dài hạn

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu   | 1/01/2016             | 30/09/2016             | 31/03/2017             |
|--|-----------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Nợ dài hạn</b>                                | <b>43.123.739.127</b> | <b>148.980.640.887</b> | <b>134.984.138.308</b> |
| <b>1. Kỳ hạn trên 1 năm dưới 5 năm</b>           | <b>16.457.139.127</b> | <b>33.378.237.557</b>  | <b>27.769.588.308</b>  |
| Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn    | 1.315.200.000         | 1.068.600.000          | 904.200.000            |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn                           | -                     | 17.100.000.000         | 14.700.000.000         |
| Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam | 15.141.939.127        | 15.209.637.557         | 12.165.388.308         |
| <b>2. Kỳ hạn trên 5 năm dưới 10 năm</b>          | <b>26.666.600.000</b> | <b>115.602.403.330</b> | <b>107.214.550.000</b> |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín                | 26.666.600.000        | 72.519.070.000         | 67.264.550.004         |
| Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn    | -                     | 43.083.333.330         | 39.949.999.996         |

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 đã được soát xét của SJ1



## h. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 20: Công nợ phải thu

Đơn vị: Đồng

| STT              | Chi tiêu                           | 1/01/2016              | 30/09/2016             | 31/03/2017             |
|------------------|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>I</b>         | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b> | <b>96.264.617.157</b>  | <b>156.265.082.540</b> | <b>196.362.514.409</b> |
| 1                | Phải thu ngắn hạn của khách hàng   | 52.280.101.218         | 146.698.775.884        | 183.643.375.045        |
| 2                | Trả trước cho người bán ngắn hạn   | 43.344.206.106         | 8.070.490.753          | 10.232.662.747         |
| 3                | Phải thu ngắn hạn khác             | 640.309.833            | 1.495.815.903          | 2.486.476.617          |
| 4                | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | -                      | -                      | -                      |
| <b>II</b>        | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>  | <b>5.563.009.146</b>   | <b>5.531.365.016</b>   | <b>6.852.966.815</b>   |
| 1                | Phải thu dài hạn khác (*)          | 5.563.009.146          | 5.531.365.016          | 6.852.966.815          |
| <b>Tổng cộng</b> |                                    | <b>101.827.626.303</b> | <b>161.796.447.556</b> | <b>203.215.481.224</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 đã được soát xét của SJ1

Ghi chú: (\*) Trong các khoản Phải thu dài hạn bao gồm khoản Phải thu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc mượn tiền mua cổ phiếu và Phải thu cán bộ công nhân viên mượn tiền mua cổ phiếu, cụ thể như sau:

- Căn cứ Nghị quyết ngày 11/04/2007 của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Căn cứ Nghị quyết 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/12/2014 của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;

Công ty đã tiến hành cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ công nhân viên mượn tiền mua cổ phiếu của 2 đợt với số dư như sau:

Đơn vị tính: đồng

| STT                  | Đợt phát hành 2007 |                    |                    | Đợt phát hành 2015 |                    |                    | Tổng cộng                   |                             |                             |
|----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
|                      | 31/12/2015<br>(1)  | 30/09/2016<br>(2)  | 31/03/2017<br>(3)  | 31/12/2015<br>(4)  | 30/09/2016<br>(5)  | 31/03/2017<br>(6)  | 31/12/2015<br>(7) = (1)+(4) | 30/09/2016<br>(8) = (2)+(5) | 31/03/2017<br>(9) = (3)+(6) |
| Phải thu HDQT & BTGD | 59.937.500         | 55.650.000         | 67.200.000         | 53.775.000         | 24.187.500         | 11.587.500         | 113.712.500                 | 79.837.500                  | 78.787.500                  |
| Phải thu CBCNV       | 101.350.000        | 97.362.500         | 85.812.500         | 272.017.800        | 172.349.300        | 117.449.300        | 373.367.800                 | 269.711.800                 | 203.261.800                 |
| <b>Tổng cộng</b>     | <b>161.287.500</b> | <b>153.012.500</b> | <b>153.012.500</b> | <b>325.792.800</b> | <b>196.536.800</b> | <b>129.036.800</b> | <b>487.080.300</b>          | <b>349.549.300</b>          | <b>282.049.300</b>          |

Nguồn: Công ty cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu

- Căn cứ theo khoản 3, Điều 23 Quy chế Quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính thì các khoản cho HDQT và Ban Tổng Giám đốc mượn tiền mua cổ phiếu của **đợt phát hành năm 2007** là chưa đúng quy định. (Các đối tượng cán bộ công nhân viên mượn tiền mua cổ phiếu đợt phát hành năm 2007 không phải cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên HDQT, BKS, TGD điều hành nên không bị sai quy định)
- Căn cứ theo 4, Điều 23, Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012, thì các khoản cho HDQT và Ban Tổng Giám đốc mượn tiền mua cổ phiếu của **đợt phát hành năm 2015** là chưa đúng quy định. (Các đối tượng cán bộ công nhân viên mượn tiền mua cổ phiếu đợt phát hành năm 2015 không phải cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên HDQT, BKS, TGD điều hành nên không bị sai quy định)
- Số lượng cổ phần phát hành cho đối tượng HDQT và Ban Tổng Giám đốc đều bị hạn chế chuyển nhượng theo phương án phát hành (cụ thể là bị hạn chế chuyển nhượng 02 năm kể từ ngày cổ phiếu phát hành thêm được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) và hình thức thu nợ là trừ vào thu nhập hàng tháng của các đối tượng này. Trong trường hợp đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng nhưng vẫn chưa thu đầy đủ các khoản này thì Công ty sẽ không làm thủ tục với Trung tâm lưu ký chứng khoán về việc chuyển sang cổ phiếu tự do chuyển nhượng.

Tuy nhiên, số dư khoản phải thu HDQT và Ban Tổng Giám đốc mượn tiền mua cổ phiếu đến ngày 31/03/2017 là **78.787.500 đồng**. Công ty cam kết sẽ thu hồi và tất toán khoản phải thu này trong thời gian sớm nhất để đảm bảo quy định về quản trị Công ty.

Bảng 21: Công nợ phải trả

Đơn vị: Đồng

| STT              | Chi tiêu                            | 01/01/2016             | 30/09/2016             | 31/03/2017             |
|------------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>I</b>         | <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>220.094.695.808</b> | <b>386.486.452.770</b> | <b>406.196.820.434</b> |
| 1                | Phải trả cho người bán ngắn hạn     | 20.245.954.022         | 90.764.125.874         | 101.956.133.769        |
| 2                | Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 485.955.330            | 5.049.266.402          | 3.799.518.678          |
| 3                | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 4.398.122.396          | 4.937.069.414          | 5.038.420.397          |
| 4                | Phải trả người lao động             | 6.199.956.845          | 5.430.317.148          | 4.125.416.320          |
| 5                | Chi phí phải trả ngắn hạn           | 382.409.076            | -                      | 3.596.392.636          |
| 6                | Phải trả ngắn hạn khác              | 4.662.654.079          | 5.384.142.148          | 12.865.800.405         |
| 7                | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn   | 183.716.302.075        | 274.313.853.761        | 274.422.382.484        |
| 8                | Quỹ khen thưởng, phúc lợi           | 3.341.985              | 607.678.023            | 392.755.745            |
| <b>II</b>        | <b>Nợ dài hạn</b>                   | <b>43.123.739.127</b>  | <b>194.080.640.887</b> | <b>243.965.913.308</b> |
| 1                | Phải trả người bán dài hạn          | -                      | 45.100.000.000         | 70.000.000.000         |
| 2                | Phải trả dài hạn khác               | -                      | -                      | 38.981.775.000         |
| 3                | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn    | 43.123.739.127         | 148.980.640.887        | 134.984.138.308        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                     | <b>263.218.434.935</b> | <b>580.567.093.657</b> | <b>650.162.733.742</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 đã được soát xét của SJ1

**12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chi tiêu  | ĐVT  | Từ 01/01/2015<br>đến 31/12/2015 | Từ 01/01/2016<br>đến 30/09/2016 |
|---|------|---------------------------------|---------------------------------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                             |      |                                 |                                 |
| • Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>TSLĐ/Nợ ngắn hạn                      | Lần  | 1,08                            | 1,08                            |
| • Hệ số thanh toán nhanh<br>(TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn        | Lần  | 0,71                            | 0,55                            |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                      |      |                                 |                                 |
| • Hệ số Nợ/Tổng tài sản   | %    | 64,39                           | 79,08                           |
| • Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu   | %    | 180,82                          | 377,99                          |
| <b>3. Chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động</b>                             |      |                                 |                                 |
| • Vòng quay hàng tồn kho<br>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Vòng | 4,61                            | 3,43                            |
| • Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân                              | Vòng | 1,13                            | 0,97                            |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                               |      |                                 |                                 |
| • Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                            | %    | 2,49                            | 3,61                            |
| • Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                   | %    | 7,45                            | 13,46                           |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân                       | %    | 2,80                            | 3,49                            |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần               | %    | 2,22                            | 4,42                            |

*Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016, BCTC Quý III.2015, BCTC*

*Quý III.2014 của SJ1*

**13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng****13.1. Hội đồng quản trị**

| STT | Họ và tên            | Chức vụ           |
|-----|----------------------|-------------------|
| 1   | Trần Văn Hậu         | Chủ tịch HĐQT     |
| 2   | Nguyễn Thị Thanh Tâm | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3   | Đinh Thị Bích Hà     | Thành viên HĐQT   |
| 4   | Võ Minh Khang        | Thành viên HĐQT   |
| 5   | Từ Thanh Phụng       | Thành viên HĐQT   |
| 6   | Ngô Đức Dũng         | Thành viên HĐQT   |
| 7   | Tôn Thất Diên Khoa   | Thành viên HĐQT   |

| 1. Ông Trần Văn Hậu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị   |                             |  |   |
|--|-----------------------------|--|---|
| Giới tính  | Nam                         | Địa chỉ thường trú   | Số 11, Nguyễn Trãi, Phường An Thạnh, Thị xã Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp. |
| Ngày/tháng/năm sinh  | 18/08/1981                  | Điện thoại cơ quan   | (08) 3974 1135  |
| Nơi sinh   | Đồng Tháp                   | Trình độ văn hóa   | 12/12   |
| Quốc tịch  | Việt Nam                    | CMND số 341157507  | Cấp ngày 13/03/2009   |
| Trình độ học vấn   | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh |  |   |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 2004 – 2005 : Làm việc tại Công ty Sản xuất Thương Mại Toàn Phát.</p> <p>Từ 2005 – 2006 : Giám đốc Công ty CP Tô Châu.</p> <p>Từ 2006 – 12/2016 : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hùng Cá.</p> <p>Từ 2010 – 7/2011 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy sản số 1.</p> <p>Từ 04/2010 – Nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.</p> <p>Từ 07/2011 – Nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).</p> <p>Từ 11/2012 – Nay : Chủ tịch HĐQT Trường Đại học Văn Hiến.</p> |                             |  |   |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  |                             | Chủ tịch Hội đồng Quản trị   |   |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác  |                             | Phó Tổng Giám đốc Cty TNHH Hùng Cá;<br>Chủ tịch HĐQT Cty CP Phát triển Hùng Hậu;<br>Chủ tịch HĐQT Trường Đại học Văn Hiến. |   |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Công ty CP Phát triển Hùng Hậu   |                             | 2.334.318 cổ phần (chiếm 22,33% vốn điều lệ)   |   |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016   |                             | 93.037 cổ phần phổ thông (chiếm 0,89% vốn điều lệ).  |   |

|  |  |
|--|--|
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cha: Trần Văn Hùng: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Mẹ: Nguyễn Thị Ý: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Vợ: Đinh Thị Bích Châu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Trần Ngọc Hà: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Anh: Trần Văn Hải: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Em: Trần Văn Hàn: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> </ul> |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)                                | Không  |
| Thù lao  | Theo quy định của Công ty  |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)                                      | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật  | Không  |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty                              | Không  |

| 2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị   |                 |  |  |
|---|-----------------|--|--|
| Giới tính   | Nữ              | Địa chỉ thường trú   | Số 42/23, Hoàng Hoa Thám, phường 7, Quận Bình Thạnh, TP.HCM. |
| Ngày/tháng/năm sinh   | 07/10/1980      | Điện thoại cơ quan   | 08 3860 4999   |
| Nơi sinh  | Bình Dương      | Trình độ văn hóa   | 12/12  |
| Quốc tịch   | Việt Nam        | CMND số 024214699  | Cấp ngày 03/02/2004  |
| Trình độ học vấn  | Cử nhân Báo chí |  |  |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 2003 – 2004: Làm việc tại Báo Vietnamnet.</p> <p>Từ 2004 – 2008: Phó phòng Hành chính Nhân sự tại Công ty TNHH Xây dựng Trường Giang.</p> <p>Từ 2009 – 12/2010: Làm việc tại Công ty TNHH Hùng Cá.</p> <p>Từ 12/2010 – 12/2011: Trưởng phòng Hành chính Nhân sự tại Công ty TNHH Hùng Cá.</p> <p>Từ 01/2012 – 07/2013: Trưởng phòng Nhân sự tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.</p> <p>Từ 11/2012 – Nay: Thành viên HĐQT tại Trường Đại học Văn Hiến.</p> <p>Từ 07/2013 – Nay: Chánh Văn phòng HĐQT Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.</p> <p>Từ 04/2015 – Nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).</p> |                 |  |  |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty   |                 | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị   |  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác   |                 | Thành viên HĐQT Trường ĐH Văn Hiến.<br>Chánh Văn phòng HĐQT – Giám đốc Điều hành Công ty CP Phát triển Hùng Hậu. |  |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước  |                 | Không  |  |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016.   |                 | 32.753 cổ phần phổ thông (chiếm 0,31% vốn điều lệ).  |  |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016.   |                 | + Cha: Nguyễn Văn Hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).   |  |



|   |   |
|---|---|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chị: Nguyễn Thị Thanh Thảo: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Nguyễn Thị Thanh Trang: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Nguyễn Thị Thanh Nhung: 338.821 cổ phần phổ thông (chiếm 3,24% vốn điều lệ).</li> <li>+ Anh: Nguyễn Thanh Nghị: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> </ul> |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)   | Không   |
| Thù lao                                 | Theo quy định của Công ty   |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)         | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | Không   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không   |

| 3. Bà Đinh Thị Bích Hà – Thành viên Hội đồng Quản trị  |                             |   |   |
|--|-----------------------------|---|---|
| Giới tính  | Nữ                          | Địa chỉ thường trú  | Số 568 Lê Hồng Phong, Phường 10, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh. |
| Ngày/tháng/năm sinh  | 01/12/1986                  | Điện thoại cơ quan  | (08) 3974 1135  |
| Nơi sinh   | Hòa Bình                    | Trình độ văn hóa  | 12/12   |
| Quốc tịch  | Việt Nam                    | CMND số 240911620   | Cấp ngày 23/04/2009                                       |
| Trình độ học vấn   | Cử nhân Quản trị kinh doanh |   |   |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 08/2008 – 07/2009: Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH ĐT Hoàn Châu.</p> <p>Từ 08/2009 – 05/2010: Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Hùng Cá.</p> <p>Từ 05/2010 – 11/2012: Trưởng phòng Mua hàng Công ty TNHH Hùng Cá.</p> <p>Từ 11/2010 – 2012: Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Kim.</p> <p>Từ 04/2012 – 6/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 04/2013 – 01/2014: Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 01/2014 – 06/2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 06/2015 – Nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).</p> |                             |   |   |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  |                             | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.   |   |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác  |                             | Không   |   |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước   |                             | Không   |   |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016   |                             | 390.204 cổ phần phổ thông (chiếm 3,37 % vốn điều lệ).   |   |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016   |                             | + Mẹ: Đinh Thị Sơn: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Con: Đinh Hà Vy: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ). |   |

|   |   |
|---|---|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Anh: Đinh Công Duy: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Đinh Thị Ánh Hồng: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Đinh Thị Thu Thủy: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Anh: Đinh Anh Vũ: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Đinh Thị Ngọc Băng: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Anh: Đinh Công Du: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Anh: Đinh Hải Hồ: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Anh Đinh Công Viễn Phương: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Đinh Thị Bích Châu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> </ul> |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)   | Không   |
| Thù lao                                 | Theo quy định của Công ty   |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)         | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | Không   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không   |

| 4. Ông Võ Minh Khang – Thành viên Hội đồng Quản trị  |  |  |   |
|--|--|--|---|
| Giới tính  | Nam  | Địa chỉ thường trú                                     | Bình Nam, Bình Tâm, TP. Tân An, tỉnh Long An. |
| Ngày/tháng/năm sinh  | 02/10/1976                                       | Điện thoại cơ quan                                     | (08) 3974 1135                                |
| Nơi sinh   | Bến Tre  | Trình độ văn hóa                                       | 12/12   |
| Quốc tịch  | Việt Nam   | CMND số 300825232                                      | Cấp ngày 30/05/2011                           |
| Trình độ học vấn   | Cử nhân chuyên ngành Công nghệ chế biến thủy sản |  |   |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 1999 – 2001: Nhân viên KCS Công ty Thuốc lá Bến Thành.</p> <p>Từ 2001 – 2003: Nhân viên KCS Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 2004 – 2010: Quản đốc Phân xưởng 2 Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 2010 – 2011: Phó Giám đốc Sản xuất Công ty Cp Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 2012 – 2013: Trưởng Ban điều hành Sản xuất Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 2013 – 2014: Giám đốc Quản lý Sản xuất Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.</p> <p>Từ 2013 – 2014: Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Hùng Hậu.</p> <p>Từ 2014 – 2015: Giám đốc Sản xuất Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 2015 – 2016: Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu.</p> <p>Từ 09/2016 – 03/05/2017: Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).</p> <p>Từ 31/12/2016 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu.</p> |  |  |   |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  |  | Thành viên HĐQT  |   |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác  |  | Không  |   |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước   |  | Không  |   |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016.  |  | 3.235 cổ phần phổ thông (chiếm 0,03 % vốn điều lệ).    |   |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016   |  | + Cha: Võ Minh Quan: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ). |   |

|   |   |
|---|---|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mẹ: Nguyễn Thị Kim Anh: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Vợ: Nguyễn Thị Kiều Thu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Võ Bảo Trân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Võ Minh Luân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Võ Minh Trung: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Võ Thị Thu Vân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Võ Thị Minh Hoa: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Võ Thị Giang Ba: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Võ Thị Giang Mỹ: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Võ Thị Giang Ngân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> </ul> |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)   | Không   |
| Thù lao                                 | Theo quy định của Công ty   |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)         | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | Không   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không   |

| 5. Ông Từ Thanh Phụng – Thành viên Hội đồng Quản trị   |                             |  |  |
|--|-----------------------------|--|--|
| Giới tính  | Nam                         | Địa chỉ thường trú   | 12.17 Lô M, Chung cư Bầu Cát II, Phường 10, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh. |
| Ngày/tháng/năm sinh  | 01/05/1975                  | Điện thoại cơ quan   | (08) 3974 1135   |
| Nơi sinh   | Trà Vinh                    | Trình độ văn hóa   | 12/12  |
| Quốc tịch  | Việt Nam                    | CMND số 334049760  | Cấp ngày 05/03/2007  |
| Trình độ học vấn   | Thạc sĩ Tài chính – Kế toán |  |  |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 1999 – 2007: Công tác tại Công ty CP Thủy sản Cửu Long.</p> <p>Từ 2007 – 2010: Học Thạc sĩ Tài chính – Kế toán tại Mỹ.</p> <p>Từ 2011 – 05/2014: Công tác tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.</p> <p>Từ 04/2012 – 04/2014: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu.</p> <p>Từ 04/2014 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy sản số 1).</p> <p>Từ 6/2014 – Nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu.</p> |                             |  |  |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  |                             | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.  |  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác  |                             | Không  |  |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước   |                             | Không  |  |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016   |                             | 27.000 cổ phần phổ thông (chiếm 0,26 % vốn điều lệ).   |  |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016   |                             | + Mẹ: Lâm Thị Huỳnh: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Vợ: Võ Thị Thủy Trang: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Chị: Từ Hạnh Loan: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ). |  |

|   |   |
|---|---|
|   | + Em: Từ Thanh Vũ: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Em: Từ Thanh Huyền: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ). |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)   | Không   |
| Thù lao                                 | Theo quy định của Công ty   |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)         | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | Không   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không   |

| 6. Ông Ngô Đức Dũng – Thành viên Hội đồng Quản trị  |                                      |  |  |
|---|--------------------------------------|--|--|
| Giới tính   | Nam                                  | Địa chỉ thường trú                                   | Số 481 Lê Văn Sỹ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM. |
| Ngày/tháng/năm sinh   | 25/12/1960                           | Điện thoại cơ quan                                   | (08) 3974 1135                                     |
| Nơi sinh  | Ninh Bình                            | Trình độ văn hóa                                     | 12/12  |
| Quốc tịch   | Việt Nam                             | CMND số : 021772266                                  | Cấp ngày 19/04/2011.                               |
| Trình độ học vấn  | Kỹ sư chuyên ngành Điện công nghiệp. |  |  |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 1994 – 07/2000: Trưởng phòng Kỹ thuật điện Xí nghiệp Mặt hàng mới thuộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam.</p> <p>Từ 07/2000 – 01/2008: Phó Giám đốc KT - CĐL CTCP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 04/2007 – 04/2010: Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản số 1.</p> <p>Từ 01/2008 – 08/2011: Phó Tổng Giám đốc KT - CĐL CTCP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 05/2010 – 04/2015: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy sản số 1.</p> <p>Từ 09/2011 – 03/10/2013: Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản số 1.</p> <p>Từ 11/2013 – 08/2014: Giám đốc Kỹ thuật Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 08/2014 – 05/2016: Cố vấn Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản số 1.</p> <p>Từ 04/2015 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).</p> |                                      |  |  |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty   |                                      | Thành viên HĐQT                                      |  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác   |                                      | Không  |  |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần  |                                      | 1.770.862 cổ phần (chiếm 16,94 % vốn điều lệ).       |  |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016  |                                      | 26.759 cổ phần phổ thông (chiếm 2,54 % vốn điều lệ). |  |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016  |                                      | + Cha: Ngô Văn An: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ). |  |



|   |  |
|---|--|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mẹ: Bùi Thị Chu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Vợ: Vũ Thị Bản: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Ngô Đức Khoa: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Ngô Đức Thoại: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Ngô Thị Toàn: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> </ul> |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)   | Không  |
| Thù lao                                 | Theo quy định của Công ty  |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)         | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | Không  |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không  |

| 7. Ông Tôn Thất Diên Khoa – Thành viên Hội đồng Quản trị   |                 |   |  |
|--|-----------------|---|--|
| Giới tính  | Nam             | Địa chỉ thường trú  | Số 75/13 Nguyễn Đình Chiểu, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh. |
| Ngày/tháng/năm sinh  | 07/06/1974      | Điện thoại cơ quan  | (08) 3974 1135   |
| Nơi sinh   | Quảng Nam       | Trình độ văn hóa  | 12/12  |
| Quốc tịch  | Việt Nam        | CMND số 024838600   | Cấp ngày 09/10/2007  |
| Trình độ học vấn   | Thạc sĩ kinh tế |   |  |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 08/1995 – 10/1999: Nhân viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.</p> <p>Từ 11/1999 – 11/2000: Kiểm soát viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.</p> <p>Từ 12/2000 – 04/2004: Phó phòng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.</p> <p>Từ 05/2004 – 06/2006: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, TP. HCM.</p> <p>Từ 07/2006 – Nay: Giám đốc Đầu tư tài chính – Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, TP. HCM.</p> <p>Từ 03/2008 – Nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Vinaconex – ITC.</p> <p>Từ 05/2010 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).</p> |                 |   |  |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  |                 | Thành viên HĐQT   |  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác  |                 | <p>Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Vinaconex – ITC.</p> <p>Giám đốc Đầu tư tài chính – Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.</p> |  |

|  |  |
|--|--|
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước                             | Không  |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016                   | 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0 % vốn điều lệ).   |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cha: Tôn Thất Ngạn: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Mẹ: Phạm Thị Diên: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Vợ: Phùng Ngọc Bích Vân: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Tôn Nữ Ngọc Nga: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Em: Tôn Nữ Khoa Bảo: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> </ul> |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)                                | Không  |
| Thù lao  | Theo quy định của Công ty  |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)                                      | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật  | Không  |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty                              | Không  |

**13.2. Ban kiểm soát**

| STT | Họ và tên        | Chức vụ/Liên quan |
|-----|------------------|-------------------|
| 1   | Huỳnh Thanh      | Trưởng ban        |
| 2   | Huỳnh Minh Tâm   | Thành viên        |
| 3   | Đinh Thị Bảo Yến | Thành viên        |

| 1. Bà Huỳnh Thanh – Trưởng Ban Kiểm Soát   |            |  |  |
|--|------------|--|--|
| Giới tính  | Nữ         | Địa chỉ thường trú                             | P314 Chung cư 2 Tân Sơn Nhì, đường Trương Công Định, P14, Q. Tân Bình, TP.HCM. |
| Ngày/tháng/năm sinh  | 11/11/1978 | Điện thoại cơ quan                             | (08) 3860 4999   |
| Nơi sinh   | Long An    | Trình độ văn hóa                               | 12/12  |
| Quốc tịch  | Việt Nam   | CMND số 080178000227                           | Cấp ngày 14/11/2016  |
| Trình độ học vấn   | Kế toán    |  |  |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 2001 – 12/2005: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM Mỹ Anh.</p> <p>Từ 01/2006 - 05/2011: Quản lý nhóm Cty TNHH Tư vấn Kiểm toán A&amp;C.</p> <p>Từ 06/2012 – Nay: Kế toán trưởng Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.</p> <p>Từ 04/2014 – Nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).</p> |            |  |  |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  |            | Trưởng Ban Kiểm soát                           |  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác  |            | Kế toán trưởng Công ty CP Phát triển Hùng Hậu. |  |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước   |            | Không  |  |

|   |   |
|---|---|
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016.                   | 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).   |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016. | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ông: Võ Văn Thanh: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Võ Thanh Ngọc: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Cha: Huỳnh Văn Dò: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Mẹ: Võ Thị Sông Hương: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Huỳnh Trang: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Huỳnh Nhung: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> </ul> |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)                                 | Không   |
| Thù lao   | Theo quy định của Công ty   |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)                                       | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật   | Không   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty                               | Không   |

| 2. Ông Huỳnh Minh Tâm – Thành viên Ban Kiểm Soát   |   |   |   |
|--|---|---|---|
| Giới tính  | Nam   | Địa chỉ thường trú                              | Ấp Tân Thành Đông, Tân Hòa, Tiểu Cần, Trà Vinh. |
| Ngày/tháng/năm sinh  | 16/07/1982  | Điện thoại cơ quan                              | (08) 6290 3333                                  |
| Nơi sinh   | Trà Vinh  | Trình độ văn hóa                                | 12/12   |
| Quốc tịch  | Việt Nam  | CMND số 334144420                               | Cấp ngày 26/04/2016                             |
| Trình độ học vấn   | Cử nhân chuyên ngành Kế toán, Cử nhân chuyên ngành Luật kinh doanh. |   |   |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 01/2001 – 12/2005: Sống và làm việc tại địa phương.</p> <p>Từ 01/2006 – 02/2009: Học tại Trường Đại học Trà Vinh.</p> <p>Từ 03/2009 – 08/2009: Kế toán tại Công ty TNHH Xây dựng Vạn Thành.</p> <p>Từ 09/2009 – 05/2012: Kế toán tại Công ty TNHH KT và TV Thuế Chiến Thuật.</p> <p>Từ 06/2012 – 12/2013: Kế toán tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.</p> <p>Từ 01/2014 – 06/2014: Kế toán tại Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 04/2015 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).</p> <p>Từ 01/2016 – 07/2016: Chuyên viên Kiểm soát nội bộ tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.</p> <p>Từ 08/2016 – 04/2017: Trưởng phòng kinh doanh bán buôn Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu.</p> <p>Từ 04/2017 – Nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu.</p> |   |   |   |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  |   | Thành viên Ban kiểm soát                        |   |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác  |   | Kế toán trưởng Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu. |   |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước   |   | Không   |   |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016.  |   | 0 Cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).     |   |

|   |  |
|---|--|
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016. | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cha: Huỳnh Văn Hải: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Mẹ: Trần Thị Thanh Mai: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Vợ: Nguyễn Thị Hạnh Kiều: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Huỳnh Tuyết Minh: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Em: Huỳnh Minh Thiện: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Em: Huỳnh Anh: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> </ul> |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)                                 | Không  |
| Thù lao   | Theo quy định của Công ty  |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)                                       | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật   | Không  |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty                               | Không  |

| 3. Bà Đinh Thị Bảo Yến – Thành viên Ban Kiểm Soát   |                 |   |   |
|---|-----------------|---|---|
| Giới tính   | Nữ              | Địa chỉ thường trú  | Số 150/12 Nguyễn Duy Cung, P 12, Q. Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh. |
| Ngày/tháng/năm sinh   | 17/01/1990      | Điện thoại cơ quan  | (08) 3974 1135  |
| Nơi sinh  | Đắk Lắk         | Trình độ văn hóa  | 12/12   |
| Quốc tịch   | Việt Nam        | CMND số 241215083   | Cấp ngày 07/06/2007   |
| Trình độ học vấn  | Cử nhân Kế toán |   |   |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 2008 – 2012: Học tại Trường Đại học Dân lập Văn Lang.</p> <p>Từ 07/2012 – 09/2013: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Dịch vụ Hùng Hậu.</p> <p>Từ 09/2013 – Nay: Kế toán tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.</p> <p>Từ 04/2015 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).</p> |                 |   |   |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty   |                 | Thành viên Ban Kiểm soát  |   |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác   |                 | Kế toán tại Cty CP Phát triển Hùng Hậu.   |   |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước  |                 | Không   |   |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016  |                 | 0 Cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).   |   |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016  |                 | + Cha: Đinh Xuân Long: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Mẹ: Nguyễn Thị Hương: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Anh: Đinh Sơn Hùng: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Em: Đinh Thị Ngọc Oanh: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ). |   |



|   |   |
|---|---|
|   | + Em: Đình Sơn Huy: 0 Cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ). |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)   | Không   |
| Thù lao                                 | Theo quy định của Công ty                             |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)         | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | Không   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không   |

**13.3. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

| STT | Họ và tên           | Chức vụ/Liên quan             |
|-----|---------------------|-------------------------------|
| 1   | Từ Thanh Phụng      | Tổng Giám đốc                 |
| 2   | Đinh Thị Bích Hà    | Phó Tổng Giám đốc             |
| 3   | Trần Thanh Hương    | Phó Tổng Giám đốc Thường trực |
| 4   | Tô Thị Kim Thịnh    | Phó Tổng Giám đốc             |
| 5   | Trần Văn Thắng      | Phó Tổng Giám đốc             |
| 6   | Dư Thiện Minh Trang | Phó Tổng Giám đốc             |
| 7   | Ngô Văn Thế         | Phó Tổng Giám đốc             |
| 8   | Nguyễn Minh Hoàng   | Kế toán trưởng                |

**1. Ông Từ Thanh Phụng – Tổng Giám đốc**

Xem SYLL HĐQT

**2. Bà Đinh Thị Bích Hà – Phó Tổng Giám đốc**

Xem SYLL HĐQT

| 3. Ông Trần Thanh Hương – Phó Tổng Giám Đốc thường trực   |   |                               |   |
|---|---|-------------------------------|---|
| Giới tính   | Nam   | Địa chỉ thường trú            | Số 15, Phố Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội. |
| Ngày/tháng/năm sinh   | 27/09/1972  | Điện thoại cơ quan            | 08 3974 1135  |
| Nơi sinh  | Hà Nội  | Trình độ văn hóa              | 12/12   |
| Quốc tịch   | Việt Nam  | CMND số 0119227742            | Cấp ngày 16/12/2014                                       |
| Trình độ học vấn  | Trung cấp chuyên ngành Cơ khí ô tô; Cử nhân chuyên ngành Quản trị Kinh doanh. |                               |   |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 02/1992 – 09/1995: Công nhân kỹ thuật Công ty Công trình thủy, Chi nhánh TP.HCM.</p> <p>Từ 09/1995 – 04/1999: Học đại học, Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Văn Lang.</p> <p>Từ 05/1999 – 12/2001: Nhân viên - Phó phòng - Trưởng phòng HCNS Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng tiêu dùng Bình Tân (Bita's).</p> <p>Từ 01/2002 – 12/2005: Trưởng phòng HCNS - Giám đốc HCNS Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Toàn Mỹ, Giám đốc Công ty TNHH SX-TM Toàn Mỹ - Hà Nội.</p> <p>Từ 01/2006 – 12/2006: Trưởng phòng Tổ chức Chính trị - Lao động tiền lương Công ty Viễn thông Quân đội Viettel Mobile.</p> <p>Từ 01/2007 – 12/2007: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Đất Quảng (Datkeys).</p> <p>Từ 01/2008 – 12/2009: Giám đốc Công ty TNHH Misawa.</p> <p>Từ 01/2010 – 03/2013: Giám đốc HC-NS Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tân Bình.</p> <p>Từ 04/2013 – 07/2016: Phó Giám đốc HCNS - Giám đốc HCNS Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.</p> <p>Từ 08/2016 – 03/05/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu.</p> <p>Từ 03/2017 – 03/05/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu.</p> <p>Từ 03/05/2017 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu.</p> |   |                               |   |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty   |   | Phó Tổng Giám Đốc thường trực |   |

|  |   |
|--|---|
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác                              | Không   |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước                             | Không   |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016                   | 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).   |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016 | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cha: Trần Thanh Sơn (Đã mất): 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Mẹ: Ngô Thị Năm: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Vợ: Lê Thị Ngọc Huyền: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Trần Ngọc Anh Thư: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Trần Ngọc Thái Hà: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Em: Trần Thị Thuý Kiều: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Em: Trần Thị Thanh Vân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Em: Trần Thanh Phương: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> </ul> |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)                                | Không   |
| Thù lao  | Theo quy định của Công ty   |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)                                      | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật  | Không   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty                              | Không   |

| 4. Bà Tô Thị Kim Thịnh – Phó Tổng Giám Đốc   |                  |  |  |
|--|------------------|--|--|
| Giới tính  | Nữ               | Địa chỉ thường trú   | Số 220/52/1 Lê Văn Sỹ, Quận 3, TP.HCM. |
| Ngày/tháng/năm sinh  | 21/09/1962       | Điện thoại cơ quan   | (08) 3974 1135                         |
| Nơi sinh   | Sài Gòn          | Trình độ văn hóa   | 12/12                                  |
| Quốc tịch  | Việt Nam         | CMND số 020611637  | Cấp ngày 10/10/2007                    |
| Trình độ học vấn   | Cử nhân Hóa sinh |  |  |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 1988 – 1998: Nhân viên KCS Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 1998 – 2000: Trưởng phòng KCS Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 2000 – 2008: Phó Giám đốc sản xuất Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 2008 – 10/2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 10/2011 – 21/01/2014: Giám đốc Sản xuất Công ty CP Thủy Sản Số 1.</p> <p>Từ 22/01/2014 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).</p> |                  |  |  |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  |                  | Phó Tổng Giám Đốc  |  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác  |                  | Không  |  |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước   |                  | Không  |  |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016.  |                  | 22.156 cổ phần phổ thông (chiếm 0,21% vốn điều lệ).  |  |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016.  |                  | + Mẹ: Tô Thị Trang: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Chị: Tô Thị Trâm: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ). |  |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)  |                  | Không  |  |

|   |                           |
|---|---------------------------|
| Thù lao                                 | Theo quy định của Công ty |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)         | Không                     |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | Không                     |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không                     |

| 5. Ông Trần Văn Thắng – Phó Tổng Giám đốc  |  |   |  |
|--|--|---|--|
| Giới tính  | Nam                                      | Địa chỉ thường trú  | Số 51, đường 19A, P. Bình Hưng Hoà A, Q. Bình Tân, TP.HCM. |
| Ngày/tháng/năm sinh  | 02/12/1980                               | Điện thoại cơ quan  | (08) 3974 1135   |
| Nơi sinh   | Tây Ninh                                 | Trình độ văn hóa  | 12/12  |
| Quốc tịch  | Việt Nam                                 | CMND số 025748359   | Cấp ngày 24/11/2011  |
| Trình độ học vấn   | Cử nhân chuyên ngành Chế biến thực phẩm. |   |  |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 02/2004 – 07/2007: Nhân viên QC Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 07/2007 – 10/2013: Phó Quản đốc Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 10/2013 – 01/2015: Chuyên viên QLSX Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.</p> <p>Từ 01/2015 – 11/2016: Trưởng phòng QLSX Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu.</p> <p>Từ 11/2016 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).</p> |  |   |  |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  |  | Phó Tổng Giám đốc   |  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác  |  | Không   |  |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước   |  | Không   |  |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016   |  | 4.094 cổ phần phổ thông (chiếm 0,04 % vốn điều lệ).   |  |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016   |  | + Cha: Lê Thanh Nam: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Mẹ: Lê Thị Re: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Vợ: Nguyễn Thị Hoa Hậu: 0 cổ phần |  |

|   |   |
|---|---|
|   | <p>(chiếm 0% vốn điều lệ).</p> <p>+ Con: Trần Ngọc Xuân Mai: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</p> <p>+ Con: Trần Ngọc Kim Khánh: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</p> <p>+ Anh: Trần Thanh Hải: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</p> <p>+ Anh: Nguyễn Văn Tiếng: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</p> <p>+ Chị: Nguyễn Thanh Hòa: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</p> |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)   | Không   |
| Thù lao                                 | Theo quy định của Công ty   |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)         | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | Không   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không   |



| 6. Bà Du Thiện Minh Trang – Phó Tổng Giám đốc  |                 |  |   |
|--|-----------------|--|---|
| Giới tính  | Nữ              | Địa chỉ thường trú   | Long Thới A, Long Thuận, Hồng Ngự, Đồng Tháp. |
| Ngày/tháng/năm sinh  | 03/04/1984      | Điện thoại cơ quan   | (08) 3974 1135                                |
| Nơi sinh   | Đồng Tháp       | Trình độ văn hóa   | 12/12   |
| Quốc tịch  | Việt Nam        | CMND số 341173003  | Cấp ngày 01/09/2012                           |
| Trình độ học vấn   | Cử nhân Kinh tế |  |   |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 05/2010 - 12/2012: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Hùng Cá.</p> <p>Từ 12/2012 - 04/2014: Nhân viên tính giá Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 02/2014 - 05/2014: Nhân viên Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Thủy sản Số 1.</p> <p>Từ 06/2014 - 03/05/2017: Kế Toán Trưởng Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).</p> <p>Từ 03/05/2017 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).</p> |                 |  |   |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  |                 | Phó Tổng Giám đốc  |   |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác  |                 | Không  |   |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước   |                 | Không  |   |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 08/12/2016.  |                 | 465.718 cổ phần phổ thông (chiếm 4,45% vốn điều lệ).   |   |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 08/12/2016.  |                 | + Cha: Du Thiện Hiền: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Mẹ: Đỗ Thị Điệp: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Em: Du Triệu Phong: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ). |   |

|   |   |
|---|---|
|   | + Em: Dư Thiện Minh Châu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ). |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)   | Không   |
| Thù lao                                 | Theo quy định của Công ty                                   |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)         | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | Không   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không   |

| 7. Ông Ngô Văn Thế – Phó Tổng Giám đốc   |  |   |  |
|--|--|---|--|
| Giới tính  | Nam  | Địa chỉ thường trú                          | Ấp Kiến Quới 2, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. |
| Ngày/tháng/năm sinh  | 1976   | Điện thoại cơ quan                          | (08) 3974 1135   |
| Nơi sinh   | An Giang   | Trình độ văn hóa                            | 12/12  |
| Quốc tịch  | Việt Nam   | CMND số 351237584                           | Cấp ngày 21/05/2008  |
| Trình độ học vấn   | Cử nhân Quản lý công nghiệp – Đại học Bách Khoa. |   |  |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 2001– 2006: Công tác tại Phòng Kinh doanh Công ty TNHH Thiên Hoà.</p> <p>Từ 01/2007 – 07/2007: Công tác tại Phòng Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Công ty Cổ phần NTACO.</p> <p>Từ 08/2007 – 05/2014: Công tác tại Phòng Kế hoạch Sản xuất Công ty TNHH Hùng Cá.</p> <p>Từ 06/2014 – 10/2014: Công tác tại Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Docifish).</p> <p>Từ 10/2014 – 01/2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Docifish).</p> <p>Từ 01/2015 – 06/2016: Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).</p> <p>Từ 06/2016 – 11/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).</p> <p>Từ 11/2016 – 03/05/2017: Giám đốc Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu.</p> <p>Từ 03/05/2017 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu.</p> |  |   |  |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  |  | Phó Tổng Giám đốc                           |  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác  |  | Không                                       |  |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước   |  | Không                                       |  |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 03/05/2017   |  | 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ). |  |

|  |  |
|--|--|
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 03/05/2017 | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cha: Lê Thanh Nam: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Mẹ: Lê Thị Re: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Vợ: Nguyễn Thị Hoa Hậu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Trần Ngọc Xuân Mai: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Con: Trần Ngọc Kim Khánh: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Anh: Trần Thanh Hải: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Anh: Nguyễn Văn Tiếng: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Chị: Nguyễn Thanh Hòa: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> </ul> |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)                                | Không  |
| Thù lao  | Theo quy định của Công ty  |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)                                      | Không  |
| Hành vi vi phạm pháp luật  | Không  |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty                              | Không  |

| 8. Ông Nguyễn Minh Hoàng – Kế toán trưởng  |  |   |  |
|--|--|---|--|
| Giới tính  | Nam  | Địa chỉ thường trú  | 6/3C-L1 đường số 3 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM. |
| Ngày/tháng/năm sinh  | 14/11/1980                                     | Điện thoại cơ quan  | (08) 3974 1135   |
| Nơi sinh   | TP. HCM  | Trình độ văn hóa  | 12/12  |
| Quốc tịch  | Việt Nam                                       | CMND số 079080000239  | Cấp ngày 08/01/2016  |
| Trình độ học vấn   | Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán |   |  |
| <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ 09/2002 – 03/2010: Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học (AISC).</p> <p>Từ 04/2010 – 02/2015: Phó phòng Kiểm soát nội bộ Công ty CP Công nghệ Tiên Phong.</p> <p>Từ 03/2015 – 06/2016: Chuyên viên Kế toán Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.</p> <p>Từ 07/2016 – 03/05/2017: Trưởng Bộ phận Kế toán Công ty CP Phát triển Hùng Hậu</p> <p>Từ 03/05/2017 – Nay: Kế Toán Trưởng Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).</p> |  |   |  |
| Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty  |  | Kế Toán Trưởng  |  |
| Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác  |  | Không   |  |
| Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước   |  | Không   |  |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 03/05/2017   |  | 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).   |  |
| Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 03/05/2017   |  | + Cha: Nguyễn Minh Thơ: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Mẹ: Lê Thị Nga: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Vợ: Hồ Ngọc Anh Thu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).<br>+ Con: Nguyễn Ngọc Bảo Quyên: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ). |  |

|   |   |
|---|---|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Con: Nguyễn Ngọc Bảo Vy: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> <li>+ Em: Nguyễn Thị Minh Phương: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).</li> </ul> |
| Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)   | Không   |
| Thù lao                                 | Theo quy định của Công ty   |
| Các khoản lợi ích khác (nếu có)         | Không   |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | Không   |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không   |

## 14. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

Bảng 23: Giá trị tài sản cố định đến ngày 30/09/2016.

Đơn vị: đồng

| Khoản mục                             | Nguyên giá             | Giá trị còn lại        | Tỷ lệ còn lại |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------|
| <b>Tài sản cố định hữu hình</b>       | <b>202.983.201.394</b> | <b>165.643.107.898</b> | <b>81,60%</b> |
| Nhà xưởng, vật kiến trúc              | 121.450.565.405        | 109.759.356.450        | 90,37%        |
| Máy móc thiết bị                      | 72.160.227.314         | 51.962.138.565         | 72,01%        |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn        | 7.192.708.803          | 3.292.912.996          | 45,78%        |
| Thiết bị dụng cụ quản lý              | 2.179.699.872          | 628.699.887            | 28,84%        |
| <b>Tài sản cố định thuê tài chính</b> | <b>30.362.676.508</b>  | <b>27.170.829.621</b>  | <b>89,49%</b> |
| Máy móc thiết bị                      | 25.690.348.566         | 23.029.005.573         | 89,64%        |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn        | 4.672.327.942          | 4.141.824.048          | 88,65%        |
| <b>Tài sản vô hình</b>                | <b>57.270.911.974</b>  | <b>55.288.513.055</b>  | <b>96,54%</b> |
| Quyền sử dụng đất                     | 56.987.811.974         | 55.123.495.788         | 96,73%        |
| Phần mềm vi tính                      | 283.100.000            | 165.017.267            | 58,29%        |

Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 của SJ1

**15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**

Bảng 24: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

| Chỉ tiêu                | ĐVT        | Từ 01/01/2015<br>đến<br>31/12/2015 | Từ 01/01/2016<br>đến<br>30/09/2016 | Từ 01/10/2016<br>đến<br>30/09/2017 | So sánh %<br>(+)/(-) KH năm<br>2017 với 2016 |
|-------------------------|------------|------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|--|
| Doanh thu thuần         | Triệu đồng | 513.316                            | 536.871                            | 1.149.000                          | 114,02%                                      |
| Lợi nhuận trước thuế    | Triệu đồng | 16.228                             | 19.354                             | 51.000                             | 163,51%                                      |
| Tỷ lệ LNTT/DTT          | %          | 3,16                               | 3,61                               | 4,44                               | 23,13  |
| Tỷ lệ LNTT/ Vốn Điều Lệ | %          | 20,95                              | 18,51                              | 23,68                              | 27,92  |
| Cổ tức                  | %          | 15                                 | 12                                 | 17                                 | 41,67  |

*Nguồn: SJ1*

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Trong điều kiện biến đổi khí hậu khó dự báo trong năm 2017, nhằm đảm bảo đạt được kế hoạch đã đề ra, Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng với các phòng ban trong Công ty đề ra các biện pháp cụ thể như sau:

**15.1. Về công tác tổ chức, điều hành**

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp từ thái độ làm việc đến giao tiếp, ứng xử và chấp hành các quy chế, chính sách, nội quy Công ty.
- Triển khai lập mục tiêu cụ thể (KPIs) của từng phòng ban/bộ phận, đánh giá sự phối hợp mức độ hoàn thành, theo dõi tiến độ thực hiện công việc được giao theo thời hạn hoàn thành.
- Xây dựng quy trình hoạt động, quy chế quản lý thống nhất trong toàn Công ty, giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc, các Công ty con, Công ty liên kết. Triển khai đưa vào vận hành các phần mềm quản lý, quản trị hỗ trợ cho các quy trình hoạt động của Công ty.
- Tuyển dụng, kiện toàn bộ máy nhân sự theo sơ đồ tổ chức và lưu đồ hoạt động của Công ty phù hợp định hướng phát triển theo từng thời điểm. Xây dựng đội ngũ kế thừa đảm bảo luôn có nhân sự sẵn sàng bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo của Công ty và các Công ty con.



- Tăng cường công tác cập nhật các cơ chế, chính sách tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các chế độ chính sách mới ban hành và sửa đổi bổ sung cho phù hợp

#### 15.2. Về Công tác kinh doanh:

- Triển khai cam kết hoàn thành mục tiêu doanh số của từng thành viên trong đội ngũ bán hàng.
- Chú trọng công tác triển khai các kênh bán hàng, mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác mới tại các thị trường Công ty đã xây dựng được uy tín, thương hiệu.
- Phát triển Nhà phân phối, đối tác chiến lược tại các nước trọng điểm như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Châu Âu, Mỹ.
- Tập trung phát triển thị trường mới, tiềm năng trong tương lai gần tại thị trường Trung Quốc, Mỹ và Trung Đông. Đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng, phát triển mạng lưới phân phối, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động bán hàng, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao chất lượng công tác thị trường, quảng bá thương hiệu.
- Thực hiện các khóa đào tạo kỹ năng cho Sales: Kỹ năng thương lượng đàm phán; Xây dựng chỉ tiêu, bám sát thực tế và chuyển giao sales thực thi.
- Hoàn thiện chính sách thưởng phạt chỉ tiêu, mang tính kích thích bán hàng; Xây dựng các chương trình kích thích bán hàng, kích thích sales chủ động chào hàng liên tục cho khách.
- Cải tiến phương án kinh doanh, chính sách bán hàng phù hợp theo thời vụ, luân chuyển quay nhanh vòng vốn.
- Mua hàng tạm trữ một số nguyên liệu chính theo mùa vụ có giá tốt, theo chiến lược kinh doanh của Công ty nhằm ổn định sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường kịp thời.
- Triển khai mở rộng nguồn đầu vào, thành lập trạm thu mua nguyên liệu chính tại các vùng trọng điểm, liên kết đối tác nuôi trồng nhằm kiểm soát nguồn nguyên liệu ổn định, đạt chất lượng, phù hợp tiêu chuẩn sản xuất xuất khẩu.

#### 15.3. Về công tác sản xuất:

- Nhà máy đảm bảo đáp ứng 95% năng lực sản xuất với các đơn hàng.
- Đầu tư máy móc, thiết bị chuyên dụng nhằm thay thế lượng lao động, tăng năng suất sản xuất, tiết kiệm định mức, tiết kiệm chi phí.

- Xây dựng đơn giá lương sản xuất phù hợp nhằm tạo động lực làm việc cho đội ngũ công nhân.
- Tiếp tục phát động phong trào thực hành tiết kiệm và hợp lý quy trình sản xuất để giảm tỷ lệ vật tư tiêu hao, giảm tỷ lệ phế phẩm và giảm giá thành.
- Phối hợp phòng Chuỗi cung ứng nhập nguyên vật liệu, bao bì, hóa chất... phù hợp với tiến độ sản xuất.
- Tập trung kiểm soát chặt chẽ định mức sản xuất, kiểm tra giám sát tốt 100% vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, không để xảy ra hàng kém chất lượng.
- Xây dựng chương trình đào tạo phẩm cách, kỹ cương đội ngũ công nhân sản xuất tạo cho họ có tác phong công nghiệp, nâng cao hiệu quả lao động.
- Thành lập ban cải tiến, nâng cao năng suất sản xuất, năng suất lao động, chủ động linh hoạt trong sản xuất nhằm đáp ứng nhanh nhu cầu thị trường.
- Nghiên cứu thị trường, phát triển các dòng sản phẩm mới tại các thị trường trọng điểm có Nhà phân phối. Tăng cường phát triển hàng GTGT cá tra, kết hợp với các loại rau củ quả. Lựa chọn phát triển một số sản phẩm chủ lực và triển khai đưa ra thị trường 30 sản phẩm mới trong năm.

#### 15.4. Về công tác tài chính – kế toán

- Triển khai kiểm soát chi phí thông qua việc xây dựng kế hoạch chi phí cụ thể của từng bộ phận, phòng ban. Hàng tháng thống kê so sánh đánh giá hiệu quả các hoạt động của từng bộ phận, phòng ban.
- Lập kế hoạch dòng tiền, tập trung nguồn tài chính đáp ứng đầy đủ kịp thời việc thu chi 100% đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác giám sát, quản trị tài chính. Quản lý tốt công nợ, hàng tồn kho. Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn của Công ty.
- Thực hành tiết kiệm trong chi phí, cân đối các khoảng phí giao dịch ngân hàng, phí chứng từ, lãi vay...nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Thống kê, đánh giá thường xuyên thực trạng tình hình tài chính ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tham mưu cho Ban lãnh đạo quyết định các chiến lược, phương án kinh doanh nhanh chóng, hợp lý.
- Lập báo cáo tài chính định kỳ quý năm kịp thời, công khai minh bạch nhằm giúp các nhà đầu tư nắm bắt được các thông tin chính xác, đồng thời đảm bảo thực hiện đúng theo quy định hoạt động của công ty đại chúng.

**16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ, kỹ sư chuyên nghiệp, công nhân lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong lĩnh vực chế biến nông sản, thủy sản và giáo dục đã tạo cho Công ty có vị thế trên thị trường.

Nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng vẫn còn rất nhiều khó khăn. Tuy vậy, nhu cầu trong nước và xuất khẩu về các sản phẩm và dịch vụ của Công ty vẫn còn rất lớn. Đây cũng là tiềm năng phát triển của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trong tương lai.

Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm 2017 là có tính khả thi, và Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức:**

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính từ ngày 01/10/2016 đến ngày 30/09/2017 ngày 31/12/2016, Công ty cam kết sẽ đưa cổ phiếu của Công ty sau đợt phát hành này vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Tuy nhiên, do Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu đã đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty cam kết thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thành công trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán.

**18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành**

Không có

**19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán**

Không có

## V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

### 1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu (mười ngàn đồng/một cổ phiếu)

### 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành là 11.081.622 cổ phiếu

Trong đó:

Chào bán cổ phiếu ra công chúng theo tỷ lệ 01:01 : 10.454.361 cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo tỷ lệ 50:03 : 627.261 cổ phiếu

### 4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu : 13.000 đồng/cổ phiếu

### 5. Phương pháp tính giá

Nguyên tắc xác định giá chào bán được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phiếu P/E (gọi tắt là phương pháp so sánh P/E).
- Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu / giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu P/BV (gọi tắt là phương pháp P/BV).

#### ▪ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 30/09/2016:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu đang} \\ \text{lưu hành tại thời điểm} &= \text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ} \\ \text{30/09/2016} & \\ &= 10.455.371 - 1.010 = 10.454.361 \text{ cổ phiếu} \end{aligned}$$

#### ▪ Giá trị sổ sách:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu SJ1 tại thời điểm 30/09/2016 theo BCTC cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 đã được kiểm toán:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{153.593.789.983}{10.454.361} = 14.692 \text{ đồng/CP}$$

▪ **Phương pháp so sánh P/E**

Phương pháp này dựa trên thu nhập kết quả kinh doanh 4 quý gần nhất tính đến thời điểm 30/09/2016 của SJ1 và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

| Chi tiêu   | ĐVT           | Số liệu       |
|--|---------------|---------------|
| Thu nhập trên 1 cổ phiếu 4 quý gần nhất (a)                    | VNĐ/CP        | 2.435         |
| Hệ số bình quân P/E của ngành (b)                              | Lần           | 10,16         |
| <b>Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp so sánh P/E (a*b)</b> | <b>VNĐ/CP</b> | <b>24.740</b> |

▪ **Phương pháp so sánh P/BV**

Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách ngày 30/09/2016 của SJ1 và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV) bình quân của các công ty cùng đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

| Chi tiêu   | ĐVT                 | Số liệu       |
|--|---------------------|---------------|
| Giá trị sổ sách ngày 30/09/2016 (a)                    | VNĐ                 | 14.692        |
| Hệ số bình quân P/BV của ngành (b)                     | Lần                 | 1,99          |
| <b>Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp P/BV(a*b)</b> | <b>VNĐ/cổ phiếu</b> | <b>29.237</b> |

▪ **Kết luận về giá cổ phiếu**

| Phương pháp                          | Giá cổ phiếu  | Tỷ trọng |
|--------------------------------------|---------------|----------|
| Phương pháp so sánh P/E              | <b>24.740</b> | 50%      |
| Phương pháp so sánh P/BV             | <b>29.237</b> | 50%      |
| <b>Trung bình gia quyền (VNĐ/CP)</b> | <b>26.989</b> |          |

Tính đến yếu tố thận trọng và pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành thêm, giá chào bán của cổ phiếu SJ1 là 13.000 VND/CP.

#### 6. Phương thức phân phối

- Phân phối cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền là 01:01
  - Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại Công ty.
- Phát hành để trả cổ tức theo tỷ lệ 50:03
  - Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ được nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức tại Công ty.

#### 7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian thực hiện dự kiến Quý II - Quý III/2017. Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng, nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng có hiệu lực. Cổ đông không thực hiện góp vốn theo thời gian thông báo của Hội đồng quản trị xem như từ bỏ quyền mua cổ phiếu. Số cổ phiếu cổ đông từ bỏ quyền mua sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phân phối.

#### Lịch trình phân phối cổ phiếu được thực hiện như sau:

- Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu
  - Công ty sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông để xác định cổ đông được quyền mua thêm cổ phiếu mới.
- Bước 2: Thực hiện quyền mua cổ phiếu
  - Công ty thực hiện quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông. Đảm bảo nguyên tắc phải được gửi đến từng cổ đông theo địa chỉ đã đăng ký.
  - Các cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày.
  - Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phiếu theo giá quy định vào tài khoản phong tỏa cho đợt phát hành theo thông báo. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa được đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 02 (hai) ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và được thực hiện tại Công ty, cụ thể như sau:
  - ✓ Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua cổ phần được thực hiện tại Công ty.
  - ✓ Sau khi nhận đơn đăng ký chuyển nhượng quyền mua cổ phần, Công ty sẽ kiểm tra việc sở hữu quyền mua cổ phiếu của người chuyển nhượng quyền mua và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu.
- Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền mua
  - Kết thúc thời gian đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, Công ty lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua cổ phần và Danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sau 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
- Bước 4: Phân phối cổ phiếu
  - Các cổ đông có trong danh sách thực hiện quyền mua nộp tiền vào tài khoản phong tỏa trong thời hạn đăng ký

Bảng 25: Lịch trình phân phối cổ phiếu

| STT | Nội dung công việc                                | Thời gian thực hiện | Thực hiện |
|-----|---|---------------------|-----------|
| 1   | Nhận Giấy phép đăng ký chào bán cổ phiếu của UBCK | D                   | SJ1       |
| 2   | Công bố thông tin theo quy định                   | D + 5               | SJ1, FPT5 |
| 3   | Chốt danh sách sở hữu cuối cùng                   | D + 15              | SJ1       |
| 4   | Phân bổ và thông báo quyền mua cổ phiếu           | D + 25              | SJ1       |
| 5   | Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu                  | D + 25 – D + 45     | NĐT       |
| 6   | Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu                  | D + 25 – D + 43     | NĐT       |
| 7   | Tổng hợp thực hiện quyền                          | D + 45 – D + 50     | SJ1       |

|    |  |                 |           |
|----|--|-----------------|-----------|
| 8  | HĐQT xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua   | D + 51 – D + 60 | SJ1       |
| 9  | Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu   | D + 61 – D + 70 | SJ1, FPTS |
| 10 | Trao trả Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần và thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch bổ sung | D + 61 – D + 80 | SJ1, FPTS |
| 11 | Sở giao dịch cấp giấy phép đăng ký niêm yết bổ sung                                    | D + 81          | SJ1, FPTS |
| 12 | Cổ phiếu chính thức giao dịch  | D + 86          | SJ1, FPTS |

## 8. Đăng ký mua cổ phiếu

### 8.1. Thời hạn

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành, sẽ bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng luật định.

### 8.2. Số lượng

Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

### 8.3. Phương thức thanh toán:

- Đối với cổ đông hiện hữu đã lưu ký (có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền): Cổ đông đăng ký và nộp tiền hoặc chuyển khoản tiền mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản chứng khoán.
- Đối với cổ đông hiện hữu chưa lưu ký: sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu và nộp tiền tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

### 8.4. Chuyển giao cổ phiếu:

Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được Công ty cập nhật vào Sổ theo dõi danh sách cổ đông của Công ty.

### 8.5. Quyền lợi người mua:

Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phần phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng. Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phiếu chào bán theo quyền



mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.

#### **8.6. Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: 01 cổ phần**

### **9. Phương thức thực hiện quyền**

#### **9.1. Điều kiện, tỷ lệ, thời gian thực hiện quyền**

- Điều kiện, tỷ lệ thực hiện quyền:
  - Chào bán cho cổ đông hiện hữu: Tỷ lệ phát hành 01:01. Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phiếu sẽ nhận được 01 quyền mua thêm cổ phiếu. Cứ 01 quyền mua thêm cổ phiếu sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới.
  - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: Tỷ lệ phát hành 50:03. Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 50 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 03 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
  - Thời gian thực hiện quyền: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Trung tâm lưu ký chứng khoán phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký.

#### **9.2. Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền**

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện được quyền mua cổ phiếu, các vấn đề có liên quan được ủy quyền cho HĐQT giải quyết.

#### **9.3. Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phần**

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được quyền thực hiện quyền mua cổ phần phát hành mới này hoặc các nhà đầu tư và chỉ được chuyển nhượng một (01) lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.

Đối với việc xử lý cổ phiếu lẻ cổ phiếu cổ đông từ chối quyền mua hoặc không thực hiện quyền, Công ty cam kết thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số

58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật Doanh nghiệp.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

## **10. Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có)**

### **10.1. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Số cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối, giá chào bán (với điều kiện phải lớn hơn hoặc bằng 13.000 đồng/cổ phiếu)

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 115 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ 1:1, cổ đông A được quyền mua thêm  $115 \times 1/1 = 115$  cổ phiếu mới. Cổ đông A sẽ được quyền mua thêm 115 cổ phiếu mới với giá 13.000 đồng/cp. Trường hợp cổ đông A không mua thì HĐQT Công ty sẽ quyết định chào bán cho đối tượng khác với giá không thấp hơn giá 13.000 đồng/cp.

Đối với việc xử lý cổ phiếu do cổ đông từ chối quyền mua hoặc không thực hiện quyền, Công ty cam kết đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP trong trường hợp bán cho các đối tượng khác.

### **10.2. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức**

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức bằng cổ phiếu: số lượng cổ phiếu phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được làm tròn xuống hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

## **11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Đối với cổ đông hiện hữu: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26/06/2015 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hiện tại Công ty đang kinh doanh một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi

thuê, v.v... Tuy nhiên do hiện nay chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành nghề này. Vì vậy giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của Công ty tối đa theo quy định là 49%. Căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 08/12/2016, số lượng cổ phiếu của Công ty do cổ đông nước ngoài nắm giữ là 27.651 cổ phần chiếm 0,26% vốn điều lệ. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty dự kiến sẽ tăng lên 215.369.930.000 đồng, tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ theo quy định pháp luật hiện hành

## **12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:**

### **12.1. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu**

- Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu được phép chuyển nhượng. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
- Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

### **12.2. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức**

Quyền nhận cổ phần phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu không được phép chuyển nhượng cho người thứ ba. Cổ phần phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu được tự do chuyển nhượng.

## **13. Các loại thuế có liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán:**

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức theo các quy định hiện hành của Luật thuế Thu nhập cá nhân, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

## **14. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu:**

Tên tài khoản : Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu  
Số hiệu tài khoản: 888.999.81.001  
Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Thăng Long  
Địa chỉ: Số 29-131 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

## VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016 ngày 31/12/2016 của Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu đã thông qua kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ mục đích để bổ sung vốn lưu động nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cao nhất cho Công ty.

## VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

- Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán này là 135.906.693.000 đồng.
- Công ty xây dựng kế hoạch sử dụng vốn như sau:

Bảng 26: Kế hoạch sử dụng vốn

| Stt | Mục đích sử dụng vốn                            | Số tiền                | Thời gian dự kiến sử dụng vốn |
|-----|---|------------------------|-------------------------------|
| 1   | Mua nguyên vật liệu làm hàng xuất khẩu          | 122.316.000.000        | Quý III, IV/2017              |
| 2   | Trả lương nhân công hàng tháng                  | 8.154.400.000          | Quý III, IV/2017              |
| 3   | Chi phí hoạt động sản xuất chung của cả Công ty | 5.436.293.000          | Quý III, IV/2017              |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>                                | <b>135.906.693.000</b> |                               |

### 2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ nguồn vốn

Từ số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành này, Công ty sẽ cân đối ưu tiên sử dụng vào các nhu cầu vốn cần thiết trước như mua nguyên vật liệu, trả lương nhân công, v.v... nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả nhất. Trong trường hợp nguồn vốn này không đảm bảo đủ nhu cầu vốn cần thiết, Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác.

CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Nam Việt**

Địa chỉ : Số 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84- 8) 3.9103908 Fax: (84-8) 3.9104880

Email : [vanphong@aascn.com.vn](mailto:vanphong@aascn.com.vn)

Website : [www.aascn.com.vn](http://www.aascn.com.vn)

TỔ CHỨC TƯ VẤN



**Công ty Cổ phần chứng khoán FPT – CN.Tp.Hồ Chí Minh**

Trụ sở chính : Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 3773 7070 – 6271 7171

Fax : (84.4) 3773 9058

Email : [fptsecurities@fpts.com.vn](mailto:fptsecurities@fpts.com.vn)

Website : <http://www.fpts.com.vn>

**Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh**

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại : (84.8) 6290 8686 Fax: (84.8) 6291 0607

### Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Theo đánh giá của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu là doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp hoạt động hiệu quả và đã tạo dựng được thương hiệu trong ngành chế biến thủy sản Việt Nam. Công ty có kế hoạch huy động thêm vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Phương án phát hành cổ phiếu này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính ngày 01/10/2016 đến ngày 30/09/2017 ngày 31/12/2016 thông qua với tỷ lệ nhất trí cao. Theo đánh giá của đơn vị tư vấn, đợt chào bán phát hành ra công chúng là phù hợp với nhu cầu về vốn của doanh nghiệp cũng như phù hợp với tình hình kinh tế, chính sách tín dụng và quy định của pháp luật.

#### **VIII. PHỤ LỤC**

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 2. Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty.
- 3. Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán và 2015, 2016 (9 tháng), BCTC cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/03/2017 đã được soát xét.
- 4. Phụ lục IV:** Các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và các tài liệu khác.
- 5. Các phụ lục khác.**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2017

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

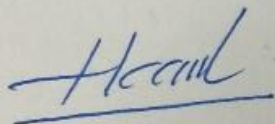
**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**TRẦN VĂN HẬU**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



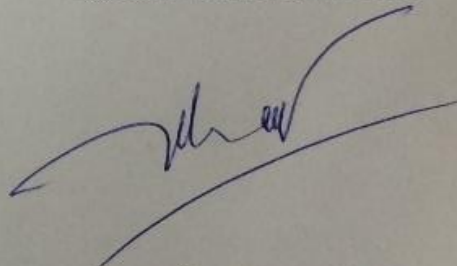
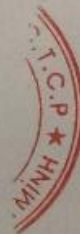
**NGUYỄN MINH HOÀNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TỪ THANH PHỤNG**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**HUỖNH THANH**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CTCP CHỨNG KHOÁN FPT CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

**GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**



**LÊ QUANG NGỌC THANH**